

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>o</sup> VÀ 15

Báo in ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Trưởng ban: Nguyễn-năng-Quốc  
Ban chấp hành hội trưởng hội Phật-gáo  
Ban chấp hành: Cung-đình-Bính

Chủ bút: Phan-chung-Thứ  
Sư cụ chùa Bông-ở  
Phó chủ bút: Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

KINH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU VÀ  
THẬP-PHƯƠNG THIÊN-TÍN

Nhờ ơn Phật - lễ  
ưng hộ, công việc  
chấn hưng của Hội  
Phật - giáo ta mỗi  
ngày một bành  
trướng, số hội viên  
hiện nay - đã khá  
nhiều, nên hội có  
cử M. Đoàn - văn -  
Tuyển đi từng nhà  
các hội viên để thu  
tiền nhập Hội và  
niên liễm, vậy các  
giáo - hữu thấy M.  
Đoàn - văn - Tuyển  
đem biên thu liễm  
của Hội đến thu,  
thì xin cử tin nhiệm  
mà giao liễm cho,



Chân dung M. Đoàn Văn-Tuyển  
và biên vào bảng thu tiền là : đã đóng tiền rồi.

Các hội viên qua lại Hội-quán trong khi lễ bái nếu  
muốn liễm đóng liền ngay thì xin cử đóng cho Sư Cụ  
Cồ là Đương-gia chủa Hội quán hay ông Nguyễn-hữu-  
Kha là Trưởng-Ban Hộ-niễm thu nhận.

Những số tiền của Hội viên đóng sẽ chuyển giao sang  
ông Tổng Thủ-Quỹ của Hội nhận giữ.

**Ban Trị-sự Hội Phật-giáo Bắc-kỳ**

Kính cật

*Ban Trị-sự Trung-ương**Hội Phật-giáo Bắc-kỳ Hanoi*

Kính đạt các vị **hội-viên Bản Hội** : (Danh dự,

Sáng-lập, Tán trợ, Vinh-viễn và Chủ-trì

**hội-viên tại Hà thành**

cùng các **Địa phương trong xứ Bắc-kỳ cùng rõ**

Đến ngày 29 tháng năm ta (tức là chủ nhật 26 Juin 1938) tại Hội-quán Trung-ương (chùa Quán-Sứ, số 73, phố Richaud Hanoi) sẽ họp Đại-hội-đồng để thảo luận các việc và làm lễ đặt móng khởi công làm ngôi chùa tự-viện Trung-ương.

Lễ đặt móng (pose de la première pierre) làm vào lúc 9 giờ sáng, xong rồi thì bắt đầu họp Đại-hội-đồng, nếu buổi sáng không xong thì đến 3 giờ chiều lại họp, làm xong các công việc mới giải tán, để khởi phải họp một lần nữa.

Chương trình nghị sự phiên Đại-hội-đồng đó xin kê sau này :

1. — Nghe Cụ Chánh Hội-trưởng trình các công việc tiến hành của Hội từ kỳ họp Đại-hội-đồng trước đến giờ.

2. — Nghe ông thủ-quỹ trình về tình hình tài chính của Hội.

3. — Nghe tờ trình của ban kiểm-quỹ.

4. — Xét và duyệt y điều-lệ cùng qui-tắc mới.

5. — Dự bầu ban Trị-sự và các hội đồng theo điều lệ mới đợi Quan Thống-sứ duyệt y điều lệ ấy sẽ chính thức làm việc.

Giấy đăng báo này thay cho tờ đặt riêng vì hội-viên hội ta có hàng mấy vạn người không thể đặt riêng từng người được, vậy xin các giáo hữu lấy lời đăng báo này thay tờ đặt riêng.

Lễ đặt móng làm chùa Trung-ương và ngày họp đại-hội-đồng là hai dịp quan trọng của Hội ta, ban Trị-sự xin khãn khoản yêu cầu hội-hữu chớ tốn di ngọc đến cho đông đủ.

Xin đem thẻ hội-viên hoặc huy-hiệu theo đề vào cửa. Nếu ngài nào mất thẻ hội-viên thì đến chùa Quán-sứ Hanoi, vào phòng thư-ký lĩnh thẻ khác.

**Ban Trị-sự hội Phật-giáo Trung ương  
kính mời**

# KHỔ VÌ KIỆU

(XUẤT Ỏ KINH BẦN CÙNG LÃO CÔNG)

Hôm ấy Phật với một nghìn hai trăm năm mươi vị Sa-môn, một vạn bồ-tát, và vô số các bậc thánh hiền ở cõi thiên, cung kính cúng dàng vây chung quanh Phật nghe Phật thuyết pháp ở trong vườn của ông Cấp có độc cây của ông Kỳ-đà thái-lử tại nước Xá-vệ, đại chúng đương nghe Phật thuyết pháp thì xịch có một ông lão già hai trăm tuổi, đầu tóc bạc phơ, lông mày giải qua mắt, mặt to tai lớn, răng vẫn còn nguyên, tay giải quá gối, coi tướng mạo bề ngoài thật khác hẳn những người phàm tục, không khác chi một ông tiến giáng thế. Ấy thế mà nghèo khổ la thương, quần áo rách rưới tả tơi, hàng mấy ngày không kiếm được hết gì vào miệng, thân người gầy gò, chỉ còn tí da bọc năm xương coi rất thảm hại, hơi thở hom hem lúc còn lúc tắt, lụ khụ chống cái gậy lừ lừ đi lại, chỉ ước ao được trông thấy Phật, khi vừa đến cổng ngõ thì có ông Phạm-vương ông Đế-thích canh cổng ngăn cấm cự tuyệt không cho vào. Ông liền nằm lăn ra khóc lóc kêu, than thân với ông Phạm-vương Đế-thích rằng : Khổ nạn cái thân tôi sinh ra đời gặp cảnh nghèo cùng khổ sở, đói rét rách rưới, cầu chết không được, sống thì không nơi nương tựa, thật là cơ cực muôn phần, nói không thể xiết, tôi được nghe tiếng đức Thế-tôn ngài là bậc đại nhân từ cứu vớt khắp muôn loài đều được thấm nhuần ân đức của ngài mà khỏi khổ, trong lòng tôi lấy làm mừng rỡ vô cùng, chỉ mong ngày mong đêm nguyện ước sao được trông thấy Phật dù chết cũng eam lòng, tôi nguyện đã 10 năm nay đến bây giờ mới được toại nguyện. Vì thế mà tôi không quản đường xá xa xôi, thân già yếu đuối cố tìm đến đây nay được thấy Phật tìm phương thoát khổ mà tôi vừa đến đây lại bị các ngài cự tuyệt không cho vào, thật là trái nguyện của tôi và lại không hợp với lòng từ bi cứu thế của Phật, sao các

ngài lại nghĩ như thế thì thiệt thòi cho thân phận già yếu nghèo khổ này lắm, bây giờ biết trông cậy vào đâu, xin ngài nghĩ lại.

Phật ở trong đấ hiểu thấu hết tình cảnh rồi bèn gọi ông Át-nan bảo rằng : Nay ông Át-nan ! Ông có thấy người già mà tướng mạo vẹn toàn lại bị tội chưa thoát khỏi đó không ?

— Lạy đức Thế-tôn ! làm sao lại có sự lạ thế, sao lại có người được hưởng phúc thọ và tướng mạo vẹn toàn lại bị tội lỗi là sao, từ bé đến giờ con chưa hề thấy thế bao giờ. Vậy nay người ấy ở đâu ạ ?

— Ở gần ngay đây, ở ngay ngoài ngõ kia, đương bị ông Phạm-vương Đê-thích canh cửa ngăn cấm không cho vào và đuổi đi kia, nên ra gọi cho vào đây. Ông Át-nan bèn vâng mệnh Phật ra với ông lão già vào, bấy giờ ông lom khòm chống gậy theo vào, ngửa lên trông thấy Phật, nửa mừng nửa tủi, nước mắt khóc lóc, nước mắt tìm tã như mưa, cúi đầu xuống lễ Phật, rồi chấp tay bạch rằng : Lạy đức Thế-tôn, con không hiểu vì sao con sinh ra gặp cảnh nghèo cùng khổ sở thế này, cơ hàn thiết thân, cầu chết không được mà sống thì không nương tựa vào đâu được cả, con vẫn nghe tiếng ngài là bậc đại nhân từ che chở cứu vớt khắp cả muôn loài muôn giống đều được thấm nhuần ơn đức của ngài, mà thoát vòng khổ não, trong lòng con rất lấy làm vui mừng khôn xiết, con chỉ nguyện suốt ngày đều được trông thấy tôn nhan ngài, đã 10 năm nay bây giờ con mới được toại nguyện, vừa rồi con đến ngõ chực mãi không được vào, con đã toan bỏ đi, song khổ về hơi sức không còn là mấy, ngồi xuống thì dễ, đứng lên thì khó, tiến thoái đều không có đường, song con lại sợ chết ở đây làm như nhớp chốn cửa ngài là bậc thánh gia, thì con lại phải mang thêm tội nghiệp. Con không ngờ Phật đã biết trước lại mở lòng thương xót cho con được nhờ ơn, con được vào đây trông thấy ngài như thế này, con chết con cũng không còn có chi là hối

hậu nữa, con chỉ muốn sao cho được chóng chết cho hết tội, nguyện đời sau con được nhờ ơn Phật, phù hộ cho con có đủ phúc đức trí tuệ, khỏi phải chịu khổ như đời này nữa.

Phật nói: Người ta sinh ra ở đời đầu do cái nhân duyên sinh tử đời trước kết lại mà sinh ra cái thân đời này để hưởng phúc chịu báo nên gọi là báo thân. Bây giờ ta nói cái nguồn gốc của người đời trước cho người nghe. Vậy người lặng yên mà nghe lấy. Đời trước người sinh vào làm Thái-tử con một ông vua rất thông minh trí-luệ ở nước rất hùng cường lớn nhất trong thế-giới bây giờ, song tính kiêu của người kiêu ngạo khác thường, trên được cha mẹ yêu như vàng như ngọc, dưới được nhân dân kính phụng như thánh như thần. Vì thế mà người lại càng kiêu ngạo ngông nghênh, khinh người như rác, không còn coi ai ra gì cả, dương mắt coi đời như phần đất, coi hết thấy của cải như bùn như phân, chứ có biết đâu hết thấy của hàng ức hàng vạn đó đều là máu mủ của dân chúng góp lại, của trăm họ khổ nỗi biết chừng nào mà mới có nên, nhà người chỉ biết ngồi đây ngấm kẻ thu vét chắt cho đầy kào đầy đụ vẫn chưa vừa lòng, ai chết mặc ai, không nghĩ gì đến tình cảnh khổ của dân cả, cũng không hề bố thí cho ai một tí nào bao giờ.

Bây giờ có một vị sa-môn hần hần tên là Tiêh-chí, từ nước khác đến, cốt mong được tiếp kiến người, vị ấy cũng không xin gì cho lắm, duy chỉ cầu xin có một cái áo pháp, người đã không cho thì chớ, người lại còn ngược đãi hết sức, không cho áo cũng chẳng cho ăn cho uống chi, lại cũng không cho đi lại, cứ bắt ngồi yên ở trước cửa, 7 ngày 7 đêm, không hề được giọt nước miếng cơm nào vào miệng, mình người lúc đó không khác chi ngọn đèn trước gió, hơi thở thành tạo ảnh đã tắt đi lại hồi, bấy giờ người thấy thế lấy làm đắc chí thỏa dạ lắm, vui mừng sung sướng lắm, gọi tắt cả

hạn bè xúm lại xem, lấy làm trò vui của mình. Bấy giờ ở cạnh có ông quan hết sức can người rằng : Thái-tử không nên thế, Thái-tử nên nghĩ lại thương người. Vị sa-môn này hiền lành cung kính tất là có đạo đức ở trong, không phải vì dối rét mà lại xin đầu, lại đây chính là vì giông phúc cho ta đó, ta đã không cho thì thôi, sao nữ lòng làm cực khổ người quá như thế không nên, nên tha ra cho đi đâu thì đi, chớ nên gây tội lỗi.

— Thái-tử đáp : Chà ! cái người này làm gì có đạo đức mà dám tự xưng là đạo đức, ta mới thử cho khổ một tý, chứ làm gì mà chết, như thế rồi tha ra thì có hề gì mà lo. Thế thì cho đi đi, bèn đuổi ra khỏi nước ngay lập tức, khi chưa ra khỏi nước mới đi được hơn 10 dặm thì bị một bọn giặc dối đốn đường muốn giết vị sa-môn để lấy thịt ăn.

— Vị sa-môn bảo rằng : Tôi là kẻ sa-môn nghèo bèn dối rét rách rưới, thân thể gầy còm, có tý gia bọc nắm xương, còn tý thịt tauh hôi không thể ăn được, dù có giết cũng mất công mà không bỏ ích gì cho các người cả.

Lũ giặc dối đáp : Chúng tôi bị dối khổn đã mấy hôm nay, chỉ ăn đất bùn, thân thể ông tuy gầy gò song cũng còn ngon hơn đất bùn nhiều lắm, vậy không thể nào mà buông tha được. Bấy giờ lũ giặc tìm đồ để giết, sắp sửa làm việc tàn nhẫn, đề cầu no bụng chốc lát thì việc ấy đồn đến tai Thái-tử, tự nhiên trong lòng sinh ra nhân từ, lập tức sắp sửa ra cấp cứu vị sa-môn và lại bảo rằng : Ta đã không cho áo và ăn uống thì thôi có lẽ nào ta lại kuoanh tay đứng nhìn cho thầy sa-môn bị nạn đề làm mồi cho bọn giặc dối kia sao. đành, vội vàng lên ngựa và đem các người hầu ra cứu vị sa-môn, lũ giặc thấy Thái-tử đến biết là Thái-tử ra cứu vị sa-môn ấy bèn cúi đầu tạ tội, tha cho vị sa-môn ra cho đi. Người có biết không ? vị sa-môn bấy giờ chính



nay là ngài Di-lặc bồ-lát đấng. Thái-tử kiêu ngạo kia chính là thân người đấng, nay người bị báo khổ sở nghèo cùng, ấy chính là vì cái tội ác ngày xưa người tham sên mà gây nên, còn người được hưởng tuổi thọ là vì người cứu sống được vị sa-môn, tội phúc vẫn rõ ràng như bóng theo hình, như vang hợp tiếng, không hề sai một li nào.

— Ông già lại bạch Phật rằng : Việc trước đã trót rồi, nay con xám hối bao nhiêu tội trước đều sạch hết, còn cái thân tàn đẫy xin được xuất-gia làm sa-môn, nguyện đời sau đời đời được gặp Phật được bầu ở bên Phật.

— Phật nói : Hay lắm ! hay lắm ! Phật liền lấy sức thần thông liếp đất cứu độ cho, tự nhiên thân thể sức lực được mạnh khỏe ngay, tai mắt được sáng tỏ ngay, được vào ngay cửa tam muội, được thần thông trí tuệ ngay.

Bấy giờ Phật nói bài kệ rằng :

*Khi làm Thái-tử ai bì,  
Thiệt chi nhân nghĩa thương gì ai dâu.  
Lòng kiêu ngạo một màu phóng túng,  
Cậy mình đây là đấng quốc vương.  
Xá chi tội lỗi tầm thường,  
Phúc hiện tại chắc vững vàng bền lâu.  
Có biết đâu đối đầu sinh tử,  
May chỉ còn tội vạ theo thân,  
Nay nhờ ơn đức từ nhân,  
Được trông thấy đám từ-vân giữa giời.  
Đã sạch tội bao đời kiếp trước,  
Bệnh nặng mà bỗng được nhẹ ngay.  
Độc tham sân rứt từ đây,  
Cổ tu phúc tuệ vẹn đầy cả hai.*

Được sống lâu trăm đời muốn kiếp,

Bên Phật thường nghe thuyết pháp luôn.

Bấy giờ ông lão tử khiêu nghe Phật thuyết pháp rất lấy  
lâm vui mừng cảm động bèn hướng với Phật làm lễ tạ  
ngay. đại chúng ai nấy cũng đều vui vẻ lắm.

Trí-Hải dịch thuật

## KHUYẾN GIỚI LẤN NHAU (1)

### Lại hai chữ Chấn-Hưng

Kỳ trước đã nói cái lý do mà Phật giáo cần phải chấn-  
hưng. Song công việc chấn-hưng thực là nặng nề lắm  
lắm, một người dù có tài tế thế cũng không thể một mình  
làm nổi, mà còn phải trông vào hết thầy thiện nam, tín  
nữ bèn tục bèn tăng nữa mới được.

Cũng như một ông tướng cầm quân, dù có tài thao-  
lược. nhưng nếu quân-sỹ không hết lòng, bọn canh gác  
thì ngủ gà, ngủ gật, bọn lái lương thì lơ đãng thờ ơ, lại  
toán ra trận thì dụt dè rút rút, thì dẫu ông tướng ấy có tài  
thao lược đến đâu, cũng không thể gầy dựng nên cơ đồ gì.

Vậy thì việc chấn-hưng thành hay bại là do ở hết thầy  
hội-viên trong hội Phật-giáo ta cả đó. Xin các giáo-hữu ta  
phải ghi nhớ luôn luôn lấy hai chữ chấn hưng, để làm việc  
gì cho khỏi lạc con đường chấn-hưng mới được.

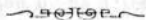
Thế thì bổn-phận hội-viên trong hội Phật-giáo ta là phải  
một mặt thân-thái lấy những tinh-hoa trong Phật-học có  
tinh-cách từ-bi, bác-ái, dũng-mãnh, tinh-liến, mà theo và cổ-  
động cho người theo nữa ; một mặt phân-tách hẳn những  
sự bậy đặt mà những kẻ buôn thần, bán thánh cốt mưu  
cần tư lợi đã làm lẫn lộn vào trong Phật-giáo, mà có  
phương-hại cho sự chấn-hưng, mà trừ bỏ đi và khuyến-  
muyến cho người trừ bỏ đi nữa.

Ph.

(1) Bản báo mở ra mục này, mục đích như tên nó đã  
chỉ rõ, để khuyến diều thiện và dân diều lành, vậy kính  
xin các độc-giả xa, gần, ai có bài gì cùng một tôn-chỉ ấy  
thì phát tâm gửi lại cho, bản báo xin hết lòng hoan-ngheh.

# Phật-giáo là chủ - nghĩa bình - đẳng rất chân - chính

của TRUNG QUỐC CƯ-SĨ DƯƠNG LẠC-TAI



Phật giáo là một đạo dạy về bình-đẳng. Ngoài Phật-giáo ra, trong thế-giới không có chủ-nghĩa nào là thực bình-đẳng. Thực bình-đẳng chỉ có Phật-giáo mà thôi. Muốn hiểu rõ được nghĩa ấy, trước nên rút nghĩa hai chữ bình-đẳng cho tinh tường :

Hai chữ bình đẳng, nghĩa là gì ? — Bình là quân-bình, đẳng là lẽ-đẳng.

Thế nào là chủ-nghĩa bình-đẳng ? — Chủ-nghĩa bình-đẳng là không hề phân biệt một tí gì. Hết thấy đạo đức đều do lòng bình-đẳng phát ra không có một tí gì là bởi ở ngoài lòng bình-đẳng. Thế cho nên cái lòng bình-đẳng ấy nó là cốt-gốc của hết thấy mọi đạo đức. Người ta ai mà có được cái lòng bình-đẳng thì làm việc gì cũng đều là thiện cả, thế mà người ta ai mà còn có cái lòng bất-bình-đẳng thì làm việc gì cũng là ác cả. Sao vậy ? Vì rằng mình đã cho người ta với mình là bình-đẳng thì việc gì mình không ưa, há mình lại đem việc ấy để đả-ngi người ta dư. Những việc ở đời mà gọi là ác đều là những việc hại người, thiệt người, khổ người, nỡ người cả. Mình không muốn bị hại thì đừng có làm hại ai. Mình không muốn chịu thiệt thì đừng có làm thiệt ai. Mình không muốn chịu khổ, sao nên làm cho ai khổ. Mình không muốn chịu nỡ sao nên làm cho ai nỡ. Thế cho nên làm ta mà bình-đẳng thì làm việc gì cũng tự thành ra việc thiện mà nếu làm ta mà bất-bình-đẳng thì làm việc gì cũng tự thành ra việc ác. Người ta muốn phân-biệt đến cái chỗ cứu cánh thế nào là thiện thế nào là ác, thì chỉ xét ở chỗ lòng mình xử có bình-đẳng hay không thì không còn lầm nữa.

Muốn hiểu được chỗ hay của chủ-nghĩa bình-đẳng thì

cứ đem những cái giờ của sự bất bình-dẳng ra mà xem thì tự nhiên hiểu được chỗ hay của chủ-nghĩa bình-dẳng một cách rõ ràng đặc biệt. Nay lược cứ những tình hình bất bình-dẳng của đời hiện-tại này tóm bày ra năm điều như sau này : Một là thụ dụng bất bình đẳng, hai là đãi ngộ bất bình đẳng, ba là quyền-lực bất bình-dẳng, bốn là kiến-giải bất bình đẳng, năm là tập-quán bất bình-dẳng. Xét qua năm điều ấy ta sẽ thấy cái giờ của sự bất bình-dẳng là dường nào.

1 - Thế nào là thụ dụng bất bình-dẳng ? Muốn cho mình cái gì cũng được thụ-dụng hay là mình thụ-dụng cái gì cũng là tốt đẹp cả. Vậy thì mình đã cái gì cũng muốn thụ-dụng cho đủ và cho tốt đẹp cả, tất nhiên là mình không còn nghĩ gì đến sự thụ-dụng của kẻ khác nữa. Bởi đó đối với sự thụ dụng mình với kẻ khác, tất sinh ra nhiều nỗi xa cách nhau. Đã xa cách nhau thì còn gì là cái nghĩa bình-dẳng nữa. Cứ theo lẽ ấy mà suy ra, mình chỉ lo lấy sự no ấm cho mình mà không nghĩ gì đến sự đói rét của kẻ khác. Mình chỉ lo ăn ngon mặc tốt cho mình mà chẳng đoái gì đến nỗi áo manh cơm hẩm của kẻ khác. Lại như kẻ làm chủ-nhân chỉ biết nhân rồi lấy mình mà không thương đến tới đòi vất vả. Nhà tư-bản chỉ biết vơ vét lấy lời lãi mà ăn chơi cho cực xa-xỉ, chẳng nghĩ đến cái công khó nhọc của thợ thuyền. Cho đến những người ăn thịt, chỉ nghĩ ăn cho ngon miệng mà không hỏi đến sự bị tàn sát của chim muông. Đó đều là những sự không nhận mình với kẻ khác là bình-dẳng về thụ dụng. Chỉ nghĩ có mình là nên thụ-dụng như thế còn kẻ khác là không nên và kẻ khác lại cứ phải cung đốn cho mình thụ dụng. Ấy phạm những sự thụ dụng phân biệt như thế, đều là cách bất bình đẳng cả.

2 - Thế nào là quyền lực bất bình đẳng ? - Riêng mình chỉ cầu lấy một cái thế lực cho lớn, tràn áp cả mọi người. Đã có thế lực tràn áp cả mọi người thì tự nhiên là mọi người đều phải chịu quyền chế ngự của

minh. Vì đó mà mình với kẻ khác thành ra một cái thế lực xa cách nhau. Đã xa cách nhau thì còn gì là bình-đẳng nữa. Tức như những nước bá chủ trong thế giới, những người chuyên quyền của quốc gia, những kẻ thô hỏ nơi thôn xã, đây thế hiệp người, đều là những cách không coi mình với kẻ khác là bình-đẳng về thế lực. Chỉ nghĩ có mình là nên mạnh còn kẻ khác là nên yếu và chỉ nên chịu cho mình chế ngự mà thôi. Ấy phàm những sự thế lực phân biệt như thế đều là cách bất bình-đẳng cả.

**3 - Thế nào là đái ngộ bất-bình-đẳng ?** - Do tự mình có một cái lòng kiêu mạn nên cho ai là cũng không bằng mình. Chỉ có mình là hay còn người ta là dở, chỉ có mình là hơn còn người ta là kém, chỉ có mình là sang còn người ta là hèn, chỉ có mình là vinh còn người ta là nhục. Vì thế mà về chỗ địa vị, mình với kẻ khác thành ra xa cách nhau bằng những sự sang hèn, vinh nhục. Đã xa cách nhau như thế còn đâu là bình-đẳng nữa. Tức như người có quyền vị tự cho mình là tôn quý hơn hết thấy, người có tiền của tự cho mình là sung sướng hơn hết thấy, người có học vấn danh vọng tự cho mình là vẻ vang hơn hết thấy. Đó đều do lòng kiêu mạn không nhận mình với kẻ khác là bình-đẳng. Chỉ nghĩ có mình là tôn còn ai cũng không bằng mình và ai cũng nên ở bậc dưới mình cả. Ấy phàm những sự đái ngộ phân biệt như thế đều là cách bất bình-đẳng cả.

**4 - Thế nào là kiến giải bất-bình-đẳng ?** - Vì trấp thấy hết thấy mọi vật trên thế gian, hình tướng khác nhau, chất lực khác nhau, năng lực khác nhau, thiện ác khác nhau, bèn suy ra mà cho rằng mọi vật không thể cùng một hạng như nhau được. Đã nhận rằng ở đời mọi vật không thể một hạng như nhau thì tự nhiên coi mọi vật là bất bình-đẳng cả. Tức như người giống màu da đang định xem thấy người giống màu da khác thì tự kiến giải là giống màu da mình là ưu thắng. Người được chịu giáo dục xem thấy người chưa được chịu giáo dục thì tự kiến-giải là chỉ có mình

là ưu thắng. Vì người ta xem thấy cầm thú thì tự kiến-giải chỉ có loài người là ưu thắng. Đó là không cho hết thấy vạn vật là bình đẳng. Vì có cái kiến-giải cho mọi vật là hay hơn, hơn kém, cao hạ khác nhau mà thành ra cái kiến-giải bất bình đẳng.

5.- Thế nào là tập quán bất bình đẳng? — Vì đã sống quen trong cái tập quán bất-bình-dẳng nên không còn biết thế nào là bình-dẳng nữa. Không hề nghĩ đến thế nào là nên là không nên, tập lâu quen đi, thành ra tự nhiên. Tức như sự kẻ có thể lực, lừa dối bóc lột kẻ nghèo khó, vốn là sự không phải, nhưng trong xã hội vì thấy như thế đã quen bèn lại cho là sự thường, có khi lại cho sự không lừa dối, bóc lột kẻ nghèo khó là sự thiệt cho mình. Lại như người ta ăn thịt cầm thú vốn là sự không nên, nhưng trong xã-hội vì thấy như thế đã quen bèn lại cho là sự nên. Thấy ai không ăn như thế thì lại cho là lập-dị. Đó đều là theo tập-quán mà không nhận mình với kẻ khác là bình-dẳng. Đã không bình-dẳng nên mới diễn ra những cái kịch giàu khinh nghèo, mạnh hiếp yếu, lớn lấn li, khôn lừa dại, muốn ác mới khổ, thâm-khốc lối-tâm, nói không nói siết. Song le, phàm vật vì bất bình phải kêu lên, vì bị đè nặng phải chống lại, lẽ tất nhiên như thế. Vì vậy lại diễn ra những cái kịch đấu-tranh nghèo cự với giàu, yếu cự với mạnh, li cự với lớn, ngu cự với trí, lung-tung lục-đục, thành ra một hắc-âm thế-giới, nói không nói siết.

Coi đó ta biết chỗ gốc của sự bất-bình-dẳng là thế nào. Biết thế rồi ta mới biết chỗ hay của sự bình-dẳng của đạo Phật, và ta nên quét sạch hết những sự bất-bình-dẳng kia đi, thì thế-giới tự nhiên được bình-dẳng cả. Vì rằng thế-giới vốn không có sự bất-bình-dẳng, sự bất-bình-dẳng chỉ là do người ta tạo ra. Bởi vậy chủ-nghĩa bình-dẳng của đạo Phật là: Không so giàu nghèo tự nhiên sự thụ-dụng bình-dẳng; không so hơn kém tự nhiên sự đãi-ngộ bình-dẳng; không so mạnh-yếu tự nhiên sự quyên-lực bình-

đẳng; không so xấu, tốt tự nhiên sự kiến-giải bình-dẳng; không nệ thói quen, tự nhiên sự lập-quán bình-dẳng. Đã bình-dẳng thì không còn có những việc đấu tranh của nghèo với giàu, yếu với mạnh, ti với tôn, ngu với trí nữa. Như thế ác sẽ diệt hết, thiện sẽ sinh ra.

Người đời nói về nghĩa bình-dẳng đều sai lầm cả. Là người ta nhân vì mình không được hưởng những lợi ích giàu mạnh tôn quý, không được bình-dẳng với những kẻ giàu mạnh tôn quý thì tìm cách làm tổn hại cho những kẻ giàu mạnh tôn quý để cũng bình-dẳng với mình. Đó là bởi cái bụng ghen ghét, thù hằn với những kẻ giàu mạnh tôn quý mà ra, không phải là tự phát khởi được cái tâm bình-dẳng. Còn như nghĩa bình-dẳng của đạo Phật thì không thế. Đạo Phật không vì mình mưu sự lợi ích giàu mạnh tôn quý, cũng không phân biệt gì giàu nghèo, mạnh yếu, hơn kém, sang hèn. Đối với mọi người, đạo Phật chỉ mong cho kẻ nghèo kẻ yếu được chịu lợi ích của những kẻ giàu mạnh tôn quý phần cho, chứ không phải là muốn làm tổn hại những kẻ giàu mạnh tôn quý để cho họ cũng chịu khổ sở như những kẻ nghèo hèn kia. Nói tóm lại, đạo Phật muốn kẻ nghèo hèn được bình-dẳng với kẻ giàu mạnh là do lòng tế bần, phù-nhược. Lòng ấy khác với cái nghĩa bình-dẳng của người đời. Bình-dẳng của người đời là tranh-đoạt lẫn nhau, mà bình-dẳng của đạo Phật là bố-thi cho nhau. Cho nên càng tranh-đấu càng không bình-dẳng, càng bố-thi càng bình-dẳng. Ói, nhiệm mầu thay là nghĩa bình-dẳng của đạo Phật.

Nghĩa bình-dẳng của đạo Phật như thế mới là chân-chính. Đã không phân giàu nghèo, sang hèn, khôn dại, mà cũng không phân quốc-giới dân-tộc cho đến không phân người với vật khác nhau nữa.

Dịch-giả: Quảng-tràng thiết cư sĩ.



# Khảo về lược sử Phật hóa nước Anh

(tiếp theo và hết)

2. Tục-tạng (Tiếng phồn là Đan-thù nhĩ) 3 bộ

甲) Ca tán 58 bộ.

乙) Bí mật nghi quỹ 2600 bộ.

(Bộ này của các thành hiền lịch đại đặt ra)

丙) Luận thích (hợp các thứ sách thích về kinh giáo đại-thừa bên Tàu chưa dịch được. Lại cả thi-pháp từ-học, văn-pháp, Từ-vi-đag, âm-nhac, Toán-số, y-học, Thiệu-văn học, Tạc-trưng-pháp và Nhân-minh học v. v. rất là phong phú).

Gồm cả Phồn-tạng đó và kinh-điển giáo Nạt-mạ của Tây tạng, bên nước Anh đã có đủ cả rồi. (Pháp, Đức, Nga và Nhật cũng có).

Nước Anh là một nước thủ xướng về Phật-học ở Âu-châu, các nhà bác-học ở các nước khác, sau mới nghe gió nổi lên, hoặc sang các nước Á-châu, sưu tầm kinh cổ, hoặc đến kinh-đô Anh-quốc, nghiên cứu pháp màu, đưa về bản-quốc, truyền bá rất nhiều, tựu trung giúp ích cho nước Anh cũng không phải là số ít, nay xin lược chọn một ông có sự tích kỳ và chức tác rộng, là có công với Phật-giáo nước Anh nhất, kể ra sau này :

Ông Giác-ma là người Hung-gia-lì (Hongrie) sinh năm 2228 (1801) đến năm ông 18 tuổi, du học ở nước Đức (Allemagne) xem sử Tàu biết là giống người Hung-gia-lì nguyên là giòng giỏi nước Hung nó (thuộc Tàu) liền cố chí thăm dò cổ-quốc mà lưu tâm về ngôn-ngữ-học phương Đông. Năm 2817 (1820) ông cải trang giả làm người Mỹ, theo phươg buôn nước Mỹ đi sang châu Á, (vì lẽ : đã không có bạn lại chả có lương, nên phải lộn sòng như thế).



*Nỗi niềm nghĩ đến lỗ lông,*

*Quyết đem dạ sắt dài cùng giang san.*

Ông sang đến đất Bồ-cáp-lạp, ở đấy một mình, hơn 2 năm thơ thần mọi nơi, ông chỉ xin ăn độ nhật, mãi rồi vào đến phạm vi Ấn-độ, một mình vợ vãi, đi mãi, sau rồi kết bạn với một ông, may lại là một ông bạn tốt, số là phái-viên của chính-phủ Anh, tên là Mạc-khắc-luân, đưa cho ông một bộ sách « Tây-tạng ngữ-vựng » ông nhậu học được tiếng nói của Tây-tạng, năm 2851 (1824) ông đi dò tới địa-phận Tây-tạng ở vào chốn rất quê mùa, học một vị sư của giáo Lạt-mạ, thế là đã tới được vào bề pháp thánh thoi từ đó lưu tâm học Phật, càng ngày càng thấu tinh vi. Sau ông lại đi du lịch tất cả các xứ tây thù nước Tây-tạng, rồi lại quay về Tây-bắc Ấn-độ, khi mới đến đất Tây-mẫu-lạp, người ta trông thấy ông bấy giờ, ai nấy ngờ là người đời thái-cổ, số là đầu bù mắt cáu, rách dưới lang thang, ngoài vài quyển sách tùy thân, chẳng có chi là khác nữa.

*Mặt ngoài dầu gió dạn xương,*

*Bề trong dạ sắt gan vàng ai hay.*

Ở đó ít lâu, sang năm sau, lại đi đến Giáp-cốc-đà, các danh-sĩ trong học giới hoan nghênh ông lắm, các thầy giáo-học và thạc-học kính trọng ông như một vị tôn-sư, ông cũng cảm tình tri ngộ, ở đó mười năm, kéo hết tư tâm làm nhiều sách vở, để giúp cho học giới ngày một mở mang, năm 2861 (1834) ông xuất bản bộ « Tây-tạng văn-pháp » năm sau ông lại xuất bản bộ « Tang-anh tự-vựng », hai bộ sách ấy là để mở đường chỉ lối cho người Anh nghiên cứu Phật-học của Thổ-phồn đó, sau ông lại làm 4 lối luận-văn đề siêng đương Phật-giáo, mà in dẫn vào tạp chí Á-tế-Á nữa.

1. Thích-tôn-truyện-ký (chép rõ hết thầy lịch sử đức Thích-ca).

2. Phồn-tạng luật-bộ giải-đề (chú thích giảng giải cho rõ nghĩa các bộ luật của Thổ-phồn).

3. Cam-thù-nhĩ lục-dại-bộ giải-đề (chính-tạng của Thổ-phồn chia 7 đại-bộ đã kê trên, chứ một bộ luật đã giải riêng, còn tất cả các kinh điển 6 bộ kia đều giải thích cả).

4. Đan-thù-nhĩ-toát-yếu (bản rút lại mà nêu rõ những cốt yếu ở hết thầy các điển trong tục-tạng).

Quý hóa thay, khoảng trong 7, 8 năm giờ, một tay làm được 4 việc công đức rất to ấy, tức là tứ-dại-bảo đề cho nền Phật-giáo nước Anh này, chỗ bút mực đâu ghi công cho xứng được. Có chăng, chỉ có núi Đại-cát, đề làm bia kỷ-niệm chung thiên, mới bay xứng đáng, hay đâu, năm 2869 (1842) ông tỉnh đi sang Tây-tạng đề làm lễ triều yết vị Hoạt-Phật giáo Nạt-ma.

*Được đi châu Phật là hay,*

*Thần tứ-dại này còn tiếc làm chi.*

Đương trong khoảng tháng tư ta, ông đi đến núi Đại-cát (大吉) bỗng bị cảm nhiệt, rồi tịch đi ngay, tốt lắm thay, tốt lắm thay, hẳn lúc ông tịch đi, ông cũng nắn xườn bốn hữu xuống dưới, đề thị hiện ra cái châu tướng tốt lành, chả biết các nhà Phật-tử nước Anh có nhớ lấy ngày mà kỷ niệm không?

#### 4. Kinh điển chữ Hán

Hán-tạng là một kho Phật-học của các dân Hoàng-tộc miền Á-đông ta, mà chốn trung-tâm ấy chính ở đất Trung-hoa, rồi truyền bá ra Việt-nam, Triều-tiên và Nhật-bồn, nay xem cái nguyên-nhân nước Tàu, sở dĩ tập thành được tạng ấy, mà nổi danh là một chốn trung-tâm Phật-học tinh túy ở Á-đông, có lẽ đâu? Bởi từ đời Hán-minh-đế chải qua Đường, Tống về sau, hơn 2060 năm thâu thái kinh văn, khắp năm phương Ấn-độ đến cả Tây-vực và Thổ-phồn, những cao-tăng các xứ ấy đều là bề giác uyên thâm, nguồn tâm hoạt bát xa ngĩa

dám kéo vào Tàu mà theo nên gấm vóc cho Tàu, lại các cao-lãng bản-quốc, cũng điều sức học kiên cường, chân thần dũng mãnh, đạo khắp mọi nơi, đưa về nước mà phun ra ngọc vàng cho nước, hợp cả chữ lãng phiên bản, mấy nghìn năm phiên dịch, mới tập thành 3 tạng tinh hoa, đủ cả đại, tiểu-nhi-thừa, thầy các lối hiền-giáo mong mệnh sâu rộng, và các lối mật-giáo huyền diệu tinh vi, như sao đực rờ, nhưng những phép trên đó, còn có thể sưu tầm, và thuộc về công dụng hữu vi mà được, chỉ nhất là cái pháp không đầu được, mà được tự nhiên, tức là cái pháp truyền riêng ở ngoài giáo (教外別傳) mới đích thực là chính-pháp của đức Phật ngài đặc truyền cho đức tổ Ca-diếp ấy, thật là pháp đệ nhất trong 84000 pháp vậy. Đến khi ngài nhập diệt-bản, ngài lại chỉ đầu về bắc, tức ngài thị hiện cho biết rằng : chính cái pháp đầu tức là đệ-nhất, còn ở ngoài giáo kia, đến khi được diễn ra thành giáo mà bao bố thông hành, thì phải đưa vào Tàu, chỉ người Tàu mới hay thừa thụ mà phụ diễn ra giáo lòng để truyền bá được thôi, chứ các nơi khác thì không đầu được, nên 28 đời tổ Tây-thiền, các ngài cũng chưa dám tuyên truyền, mà mỗi đời chỉ mật thụ riêng cho một vị, giữ pháp để đợi thời mà thối. Gần đến khi pháp được siển dương, đức tổ Đạt-ma, ngài tiến-cơ rước pháp vào Tàu, trước hết ngài xưng ra thuyết « Bất-lập văn-tự » tức ngài đã hứa cho biết rằng : những kinh điển của Tàu đã dịch ra được ấy, tuy đều là chính phép của Phật dạy cả, nhưng phép Phật nhiệm mầu, những phép chếp được ra văn tự ấy, còn khó đạt tới đến mục đích, chính cái nhơn tạng dễ chiểu rõ những chính-phép ấy, Phật ngài đã truyền riêng ở ngoài giáo, thực không thể lập ra văn tự được, nay ngài mới đưa sang mà chỉ giáo cho. Sau ngài lại truyền-cho 4 câu kệ rằng :

1. Ngô bản lai li thổ (吾本來茲上).

2. Truyền pháp giáo mê tình (傳法教迷情).

3. Nhất hoa khai ngũ diệp (一花開五葉).

4. Kết quả tự nhiên thành (結果自然成)

Dịch : 1. Ta sang ở đất này như vậy,

2. Truyền phép màu dũa dạy kẻ mê.

3. Một cái huê nở xòe năm cánh,

4. Rồi kết thành quả chính tự nhiên.

Nghĩa : Ngài bảo cho người Tàu biết rằng : Ngài sẽ đi sang Tàu, là ngài cốt đưa truyền cái pháp Như-lạo của đức Phật truyền riêng mà Liệt-tổ tương truyền cho đến ngài ấy, nay ngài truyền cho nước Trung-hoa 1 huê là một đời ngài, 5 cánh là năm đời tổ nối sau ngài nữa. Qua 6 đời rồi, phép ấy tự nhiên kết quả thành ra giáo tông (tức Thuyền-tông) quả nhiên ở nước Tàu trong 6 đời ấy cũng vẫn mật truyền riêng như trước ở Tây-thiên Đến đời tổ thứ 6 là Tuệ năng. Xem trong Đâu kinh có 1 vị đệ tử muốn hỏi về cách mật thụ, thì ngài sẽ định truyền cho ai ? Ngài có nhắc lại 4 câu kệ của tổ Đạt ma đã kể trên và ngài tỏ cho biết rằng : phép ấy từ nay đã phổ biến ra ngũ lục được rồi, ai có căn tu, chỉ cứ xem trong Đâu kinh thì tự nhiên chứng ngộ, chứ không phải mật thụ riêng như trước nữa.

Nghiệm từ bấy giờ về sau, Trung-hoa tự nhiên bọp thành ra một giáo Thuyền tông và lại biệt ra 5 phái là Váo môn, Pháp nhữ Tào động, Lâm tế và Quy ngưỡng, truyền rộng ra các nước theo giáo đại thừa cho đến ngày nay, ai cũng công nhận là 5 phái ấy đều cùng một gốc thuộc giáo Thuyền tông. Ấy chính cái nghĩa 1 hoa nở năm cánh mà tự nhiên kết ra thành quả đó. Lại xem trong năm phái ấy sản xuất vô số những bộ ngữ-lục không sao kể xiết. (Nước Việt-nam ta cũng có bộ Thuyền-uyển-tập-anh ở Đuốc-tuệ đương in cái tên là Việt-nam-thuyền-tông-thế hệ) ấy đều là những giáo-lý rất tinh vi trong tư tưởng giới ở phật-học dạy ở Trung-hoa sinh ra làm đặc-

ắc cho Phật-học Á-đông, mà Phật học Á-đông sở dĩ gọi là Phật-học đặc-sắc, hơn cả Phật-học các xứ kia, cũng nhất là khoa Thuyền-học của giáo Thuyền-tông này vậy.

Ngoài Thuyền-tông lại còn 9 tông nữa, cũng đều suy diễn ra rất nhiều chú sớ, rõ ràng sáng tỏ như sao băng, thì biết Hàn-tang của Á-đông ta, thật là đã từng chọn lọc thấy những tinh hoa của các tang kia, mà lại riêng có những môn vi diệu thứ nhất của Phật-đả vậy, quý hóa lắm thay.

Bên nước Anh từ khi sưu tầm được 3 tạng (của Tích-lan, Népal và Tây-tạng) trên kia, tưởng thế đã là mãn-tác, sau thấy các nhà giáo-sĩ của giáo gia-lô sang ở Hồng-kông, có làm nhiều những sách luận về Phật-giáo Trung-hoa, bấy giờ mới tỉnh mộng hồn mà tỏ tình khát vọng, năm 2898 (1881) gửi thư sang yêu thỉnh với Trung-hoa, nhưng pháp chính khó mà được nghe (正法難聞) chính-phủ Tàu lấy làm ngoại-giao cách trở, không thuận lời cầu, mãi đến khi Tàu muốn biến-pháp duy tân, sai sứ đi kết liên với các nước Âu-châu, nước Anh lại thừa cơ yêu thỉnh, chính-phủ Tàu bấy giờ mới lặng cho toàn tạng Hàn-văn, từ đó đảo-quốc Âu-châu mới thừa iễn được một tạng kinh cốt tử, liền cùng vui mừng khôn xiết, đăng tin báo cáo, khắp thính các bực Anh-hán kiêm thông ra công phiên dịch, bắt đầu có ông Nam-diêu văn hung (người Nhật-bản) dịch bộ cho một quyển Mục-lục và một quyển Tham-chiếu-chỉ-nguyên-pháp-báo-đồng-lục, chép cả các thời kỳ dịch kinh và phụ thêm cả Thích-gia-liệt-truyện, sau rồi các bực Kiêm-thông, đồng tâm biên dịch, hoặc người bản quốc, hoặc người ngoại quốc, thành tâm vi đạo, phiên dịch ra chữ Anh từ trước hồi Âu-cbiển (năm 1914-1918) đã thành được những bộ kể sau này.

1. Kim-cương-chân luận.
2. Pháp-hoa kinh.
3. Bát-thiên-tụng Bát-nhã kinh.
4. Đại-Trang-nghiêm kinh.

5. Phạm-võng kinh.
6. Quán-vô-lượng-thọ kinh.
7. Đại-vô-lượng-thọ kinh (tức kinh Đại-A Di-đà).
8. Mã-minh Phật-sở-bản-tân.
9. A-di-đà kinh.
10. Tâm kinh.
11. Tôn-thắng-la-ni.
12. Duy-ma-cật kinh.
13. Khởi-tin luận.
14. Bản-sinh-man kinh.
15. Du-giả luận bồ-tát-địa.

Còn các sách khác của các cao-lăng nước Tàu, như Phật-quốc ký của cụ Pháp-hiền, Tây-vực-ký của cụ Huyền-trang, Ký quy-truyện của cụ Nghĩa-tĩnh, và những sách hành-ký của các cụ Huệ-sinh và Tống-vân, bên nước Anh đều đã dịch cả rồi, lại còn làm ra các sách: chú, sớ, giải, thích, khảo chứng nữa, về phần chú thích ấy, nhất là bộ địa-dư và lịch-sử Ấn-độ của ông Cung-ninh-hạn làm ra, có giá trị lắm, hiện nay người Anh lấy làm quý báu.

### 5. Kinh điển của Tây-vực

Tây-vực là một xứ khắp miền Trung-á và Tây-a, theo về sử-học của Tàu, nói cho gọn thì là Tây-vực, xem về địa-dư học gồm các sách đông, tây, thì Tây-vực là một xứ nhiều nước nhỏ, vị trí ở về phía tây nước Tàu, cho đến giáp giới Âu-châu và Arabia, xưa gọi là Khang-cư và An-tức (nay Berse), Ca-thập-di-la, hoặc Kỳ-tân (nay Afghanistan), Cao-xương (nay Tân-cương), Kiện-đá-la (nay Béloutchistan), Sở-lặc, Vu-diễn, Đại-nhục-chi và Quy-tư (nay là Tây-vực thuộc nước Nga).

Nguyên-xứ này tuy không phải là nguồn tâm của Phật-học, nhưng cũng là bề giác thứ hai của Phật-giáo

ngày xưa phụng giáo từ đời vua A-dục truyền sang, nên đã làm nên Phật-giáo thịnh hành, có nhiều cao tăng : như cụ Cưu-ma-la-thập và cụ Phật-đồ-chương vào Tàu truyền bá, và dịch ra chữ Hán cho Tàu, mà làm nên thái-dầu cho tăng-lữ Trung-hoa vô số, và các tăng nước Tàu : như cụ Pháp-hiền và cụ Huyền-trang, khi sang Ấn-độ, cũng sang cả các xứ ấy, thấu thái kinh văn, đưa về nước mà tỏ nên gồm vóc cho giảng san Trung-quốc cũng nhiều. Vậy biết những kinh điển Phật của Tây-vực ngày xưa, phần thịnh bằng những nào ?

Từ năm Phật lịch 1649 (tây-lịch 522) ở bên nước Arabie, đất bằng nổi sóng, tức là Hồi-giáo nổi lên, chuyên lấy binh lực tuyên truyền, mấy trăm năm sau, xứ Tây-vực : ngoài bị Hồi-Hồi xâm lược trong thì Hỏa-giáo phục hưng, các dân tộc ấy hẳn nại lâu lâu, thứ đệ thay bốn đời xác, mặc cho chúng hầu ma xác quỷ, can dỡ tung hành, thì dầu còu thấp nguy nga, quy mô hùng vĩ cũng mặc dầu hương lạnh có hoang, thế mà cổ kinh tàn khuyếch, cũng chỉ vì thờ đấng ngu muội, không hay tồn cổ đó thôi, chứ thần hóa không dám bén gân, quân Hồi chẳng sao phạm đến.

Vậy gần đây các nhà khảo cổ Âu-châu, nhất là người Anh giàu lòng sỏi sảng, sang bên Tây-vực tìm được vô số chân-kinh, nay ở Luân-đôn (Londre) nào chữ Hóibột, nào chữ Khur-lur và chữ cổ-phạm, về số tìm được ở xứ Tây-vực, cũng đã là nhiều kể ra không siei, nay hãy xin lược kể sau này :

Năm Phật lịch 2918 (1891) ông Ba Au khi đi sang Tây-tạng, đường qua đất Khố-xa (Tây-vực) bỗng gặp được một bộ kinh chữ Phạm chép vào Hoa-bì, xem kỹ mới biết là quyển kinh « Khổng-lược-vương » thuộc về mật-bộ, có dạy cả phép làm thuốc, phép trị chủ và phép khám nghiệm, (nước Tàu chưa có) chữ là lối chữ viết tối cổ ở thế-giới, đó tuy không phải có chi sựu tâm, tình cờ mà được, nhưng cũng vì đó mà người

Ấu mới biết, là Tây-vực vẫn còn sót nhiều kinh cổ, mà số sang, cổ sức truy tâm, thì ông Ba-Oa nước Anh tức là cái cờ đầu đi kiếm kinh của Tây-vực vậy.

Sau có ông Mã đại-dồ nhậm chức Đại-biểu dân Anh ở đất Bách-thập rất-nhĩ (thuộc nga) ông đồng chí với người Nga, chăm tìm khắp khu Trung-á, trong 3, 4 năm, được vô số những bản kinh cổ, tuy có quyền đả-nạt, nhưng đưa về Anh-quốc, cũng có công về việc khảo cổ được nhiều, học giới Âu-châu thầy đều động lòng cảm mộ, bấy giờ các nước Pháp Nga và Đức, cũng lắm người cố sức sưu tầm (nước Pháp có người tìm được toàn bộ kinh Pháp-cù bằng chữ Khur-lư chép vào Hoa-bì) nhưng vẫn nhất là người Anh, trong số ấy, có một ông tên là Ti-đan-anh (khảo cổ học đại gia) năm 2926 (1899) ông khởi từ Ấn-độ đi sang đất Vu-điền (Tây-vực) hơn một năm dòng giã, đi bộ thăm dò xem xét hình thể, rồi khởi đại công trình đào tìm cổ-vật, lấy được vô số kinh Phật, tranh Phật đồ dùng, nhạc khí và tiền cổ nhất để đóng cao như núi, đưa về nước Anh (những kinh của ông này tìm được sẽ kể như sau :

Lại một ông nữa tên là Cồ-lưu-đặc (ông này là người Đức, đáng lý lịch sử Anh không phải chèn, nhưng về đạo Phật, ông rất có công, và những kinh của ông tìm được, vẫn liên lạc với kinh của ông Ti-đan-anh, tưởng nên phụ lục cho tiện). « Ông đi du lịch nhiều nơi ở Tây-vực, một lối từ Cao-xương (tỉnh Tân-cương Tàu) đến Bà-lâm (Berlin, thủ phủ Đức), ông đi lại nhiều lần, năm 2933 (1906) ông đến Cao-xương đào tìm cổ vật, cũng được nhiều kinh Phật, tượng Phật và tranh Phật, chẳng kém gì ở đất Vu-điền (có một bức tranh rất quý số là : chính giữa có một vị sư ngồi tòa sư-tử (hoặc là Phật chăng ?) ra dáng thuyết pháp, các sư khác đứng xung quanh, tay cầm kinh sách, ra dáng lắng nghe, xem kỹ hình dong, có 4 giống người khác nhau : 1. người mắt xanh, 2. người da đen, 3. người



da đỏ sạm, 4. người da trắng tinh (hoặc 4 giống người ở Ấn-độ chăng ?)

Hợp cả những kinh đ̄o đ̄ược ở 2 nơi trên sau này :

1. Tiểu thặng

- |                      |                            |
|----------------------|----------------------------|
| 甲. Trương a hãm :    | 1. A chuân na trí.         |
| 2. Đại hợp tập kinh, | 3. Tùy đ̄ăng tôn giã kinh. |
| 乙. Trung a hãm :     | 1. Ưu bà lị kinh.          |
| 丙. Tập a hãm :       | 1. Ngoạt du kinh.          |
| 2. Từ tâm kinh,      | 3. Tân - tuế kinh. (tức    |
- kinh năm mới đã in ở Đuốc-tuệ).
- 丁 Tiểu-bộ kinh tạng. 1. Pháp cú kinh. (không đủ)
- 戊 Luật bộ. (không đủ)

2. Đại-thặng

甲. Bát-nhã bộ.

- |                      |                         |
|----------------------|-------------------------|
| 1 Đại-phẩm bát nhã.  | 2 Kim-cương bát nhã.    |
| 乙 Phương-quảng bộ    | 1. Chúng địch.          |
| 2. Đại Niết-bàn.     | 3. Thành du.            |
| 4. Anh-vũ-tưởng-giã. | 5. Kim quang minh.      |
| 6. Pháp hoa kinh.    | 7. Nhập Phật cảnh giới. |

(2 kinh 6 và 7 cùng không đủ)

丙 Đại-bảo-tích bộ ;

- |                      |                    |
|----------------------|--------------------|
| 1. Nguyệt-tạng phạn. | 2. Bảo tràng phạn. |
| 3. Nhật-tạng phạn.   | 4. Hiền bộ phạn.   |

丁. Bí-mật bộ.

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Vô-lượng môn-đa-la-ni. | 2. Đại-bạch-tân-cái chủ. |
|---------------------------|--------------------------|

戊. Tân-ca bộ :

- |   |
|---|
| 1. Ma-hi lị-thế-đa 150 bài kệ tán Phật. |
| 2. Ma-hi lị-thế-đa 100 bài kệ tán Phật. |

Sau ông Ti-dan-anh lại sang Tây-vực lần nữa « có công mài sắt có ngày nên kim » lần sau này, ông

không phải đào mà được hiệu quả gấp mấy những nơi trên, số là ông tìm thấy đồng thiên Phật ở đơn, hoang vắng. năm 2935 (1908) ông đi du lịch tìm đến đồng ấy, ông vào ở chơi với một người giữ đồng, sớm khuya trò chuyện, mua được 29 hòm kinh, toàn những kinh cổ, kiểm soát còn đủ bộ cả, và có nhiều thứ chữ. Chữ Hán, chữ Pham, chữ Hồi-hột và chữ Tây-tạng, có bản chữ viết, có bản giấy in, có bản lá bổi, có bản chữ thêu, cộng hơn 10000 quyển và lại có các lối tranh vẽ rất là tinh sảo, thật là « của quý thế gian, đãi người ngoan thiên hạ ». Khi đưa về Luân-đôn được tiếng ngợi khen, vang lừng thế-giới, người các nước nghe tin, cũng đều đổ xô sang đây mua kinh nhiều lắm, sau người Pháp tuy cũng mua được nhiều, nhưng chỉ được tới số 9000 quyển thôi, thế thì phần nhiều nhất, vẫn là nhất ở nước Anh vậy.

#### Kết luận,

Cứ như mục ở trên, thì biết hiện nay Hoàn cầu gồm có 5 tạng chân-kinh, mà nước Đại-anh thu tàng được cả, tức cái cơ Phật-hóa đại-đồng đã hiện ra như nầu núi Tu-di to cao dựng ở chốn Anh-luân kia, để cho Thích-lữ 5 châu quay đầu chiêm ngưỡng như trên trời đã nói vậy.

Việt-nam ta 2000 năm được nhuận cam-lộ, mà xem khi thời buổi phôi thai, các bậc cao-tăng ngoại quốc đưa vào truyền bá cho dân ta, chẳng các tăng Trung-quốc, giầu các tăng Thiên-trúc và Tây vực đến ta truyền giáo cũng nhiều, nhưng đều đã từng truyền bá ở Trung-quốc trước, rồi mới sang ta, những giáo pháp đem sang, toàn là kinh đã dịch ra Hán-văn tất cả, và các tăng nước ta đi du học ngoại quốc hầu hết Phật thừa, cũng chẳng ngoại phạm vì Trung-quốc, cho đến thời kỳ dần thịnh, lịch triểu sai sứ đi thỉnh kinh văn, cũng chỉ thỉnh những kinh chữ Hán, (Lê Ngộ-triều thỉnh được Đại-tạng, Lý Thái-tổ thỉnh được cả tam-

lượng) trong quãng đời Lý đời Trần, chính là thịnh nhất, cũng toàn là ảnh hưởng của Trung-hoa cả, ngoài Hán-lạng ra còn có ai biết đâu là phạm-lạng, tây-lạng và lạng nào khác nữa

Gần nay Âu-Á thông đồng, văn minh tinh tiến, vô luận học thuật của thế-gian, thầy phải dung hòa cùng vạn-quốc, ngay chính một môn giáo học của Phật-đà ta này, không thể riêng chịu một ảnh hưởng của Tàu mà đã lưu thông cùng Hoàn-hải được.

Mới đây 2 hội Phật giáo và Phật-học Trung-bắc lữ-lạc-kỳ đã cử 2 vị học sinh « Trí-hải và Mật-thê » cùng sang tham học Trung-hoa, hợp thời lắm thay, mong rằng: 2 hội sẽ lại cử các học sinh sang Xiêm, sang Ấn-độ, rồi dần sang thẳng tới nước Đại-Anh để mà khảo cứu lấy 5 kho Phật học, đưa về mà truyền bá khắp 3 kỳ, cho 20 triệu tiên rồng, cùng vùng vẫy khắp doanh hoàn mà cùng được gió nhân mưa pháp vậy.

Nguyễn-thượng-Cần

Hoàng-mai Cư-sĩ

## PHẬT-HỌC VẤN-DÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Tinh-thần của đạo Phật là những điều gì ?

— Tinh thần đạo Phật, có những điều sau này :

1. Vô-ngã 無我. — Phật cho rằng : người ta không thể lìa bỏ xã-hội mà độc lập được, mỗi người nhờ nhau một việc, như người đi học phải nhờ có người làm ruộng mới có thóc ăn, nhờ người dệt vải mới có áo mặc, các hạng người khác cũng vậy, cho nên không thể chỉ biết trong thân mình mà không biết trong người khác, rừ đến các loài vật cũng không nên thị thường : phải nhờ trâu mà cày, nhờ ngựa mà cưỡi v. v. đều có bổ ích cho ta, vì thế phải yêu vật cũng như yêu người, mà yêu người cũng như yêu mình. Phạm những việc mà có ích cho người,

tất là có lợi cho mình, nhiều khi không trông thấy, nhưng kỳ thực là cái lợi rất to. Ví dụ như bố-thì thì mất của, nhưng được quần chúng kính yêu, và là cái công đức gây nên thiên nghiệp thì ích lợi cho mình biết là dường nào!

Vả lại cái thân của mình, về phần nhục-thê (肉體), là cái thân giả hợp: đất, nước, lửa, gió hợp lại mà thành ra, sau khi các chất ấy tan nát, thì cái nhục-thê không còn nữa, như thế những sự khoái-ác về nhục-thê như sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân sướng, ý thích, đều là những sự giả trá, thoáng qua thành không, nhiều khi không ích mà lại có hại: bởi vì cố doanh cầu cho vừa lòng vật dục, thì gây nhiều tội ác, và mất trí khôn cho nên cái thân nhục-thê, không nên trú trọng.

Những lẽ trên này tức là vô-ngã.

2.) Đại bi 大悲.— Đại bi nghĩa là thương xót hết thầy chúng sinh. Bởi vì phải nhờ người và vật đã rơi ở trên, cho nên thấy chúng sinh chìm đắm ở trong bể khổ, mà sinh lòng thương xót muốn cứu vớt cho đều được khỏi khổ. Phạm việc làm phải lấy ích lợi chúng sinh làm mục đích, nếu việc có hại cho mình, nhưng lợi cho chúng sinh, thì hoàn toàn hy sinh, không hề sợ sệt. Như đức Thích ca mong vào địa ngục mà cứu kẻ có tội; đức Quán thế âm phát nguyện: nếu còn con sâu con kiến nào đau khổ mà không cứu được thì thề không thành Phật. Xem thế thì biết tấm lòng đại bi của chư Phật, rộng rãi biết dường nào!

Vả lại loài vật cũng có sinh mạng, biết đau biết khổ như người, sát hại sinh mạng là sự tàn nhẫn, gây nên ác nghiệp, cho nên đặt rọ giới sát, để răn bảo mọi người.

Người sơ dĩ luân hồi sinh tử, chịu mọi sự phiền não, là bởi không biết tu đạo. Phật muốn cho chúng sinh đều có Phật tính, đều biết tu hành để được vào cõi Nát bàn cũng như Phật cả. Trong kinh có câu rằng: « Đại bi thị bạt chúng sinh nhất thiết khổ 大悲是拔眾生一切苦 » nghĩa

là nhờ hết những sự khổ của chúng sinh, không còn sót lại một sự nào, thế là nghĩa chữ « đại bi » vậy.

3. Bình-đẳng 平等. — Nếu một người quốc-dân nào mà giám nói rằng : cố học hành thì sau này có thể làm Hoàng đế, thế là câu nói bậy nghịch (叛逆) ; nếu một người tin đồ nào mà giám nói rằng : cố tu hành thì sau này có thể bằng hàng với Thiên-thần, như thế là câu nói ngạo-mạn (傲慢). Như thế có phải là giai cấp bất bình-đẳng không ? Phật thì không thế : nếu môn-đồ có ai quyết chí tu hành thành Phật, thì Phật lấy làm như nguyện, và cái đại-nguyện thì Phật muốn chúng sinh đều thành Phật cả, có phải là bình-đẳng hay không ?

Phật bảo chúng-sinh đều có Phật-tính, đều là vị thành Phật cả, chứ không phải như Hoàng-đế hay Thiên-thần mà có cái địa vị cái tư cách riêng, không ai có thể kịp được.

Cho nên nếu còn có tính kiêu-căng : tự cao tự đại, thì không phải là tín đồ nhà Phật.

4. Tự-do 自由. — Người đời thường bị những sự phiền não bó buộc, nếu đã hiểu biết đạo Phật, thì trong lòng khoan khoái, những sự vật dục không thể ràng buộc được nữa. Vả lại sự luân hồi sinh tử, bó buộc luân quần trong vòng lục đạo, nếu tu hành đắc đạo, được lên Phật quốc, khoái lạc tự tại, có khác nào kẻ có tội đang bị giam hãm mà được tha ra. Thế tục nói đến 2 chữ « tự do » đã cho là khoái hoạt vô cùng là ở nơi tu đạo được giải thoát tự do vậy.

5. Chính-tín 正信. — Phật-giáo có thể gọi là « Vô-thần giáo 無神教 », nghĩa là không thờ một vị thần nào. Đã không thờ phượng, thì làm gì còn có sự mê-tín, không có mê-tín, thì không phải là dị đoan (異端), không phải dị đoan, thì tất nhiên không có hai gì.

Tục nho cũng có kẻ bảo đạo Phật là « hoặc thế vu dân 惑世誑民 », nghĩa là lừa đời dối dân. Nhưng làm gì mà lừa giới ? tôn chỉ đạo Phật chỉ ở 4 chữ « minh tâm kiến tính 明心見性 », nghĩa là bỏ các vật dục

cho lòng được sáng, thì trí tuệ phát hiện rõ ràng. Như thế thì đạo Khổng gây chính tâm thành ý (正心誠意), nghĩa là ngay lòng thực ý, và tồn tâm dưỡng tính (存心養性), nghĩa là giữ lòng nuôi tính, cả cũng phù hợp với Phật-giáo hay sao? dù có nói luân hồi sinh tử cũng là nói rõ cái lẽ nhân quả: nhân lành quả lành, nhân ác quả ác, cho người đời biết đường tránh ác theo lành, chứ có gây thờ cúng đồng cốt gì đâu, mà bảo là lừa dối được. Đến như đức Thánh Khổng cũng còn nói rằng: « Ngộ văn tây phương hữu đại thánh nhân 吾聞西方有大聖人 » nghĩa là ta nghe phương tây có đại thánh nhân, tức là trở vào đức Phật Thích-ca, thế mà tục nbo còn giám dị nghị, thật là xét đoán không tương, và có lẽ cũng không hiểu qua giáo lý đạo Phật là thế nào cả. Thời đại bây giờ, châu Âu, châu Mỹ, học thuật vẫn minh đều đâu, còn thiếu một tôn giáo nào, một khoa học nào là không nghiên cứu, thế mà ít lâu nay cũng rủ nhau nghiên-cứu Phật học, rủ nhau lập hội như hội: « Thế giới Phật học hội 世界佛學會 » đã thành lập, làm cái cơ quang truyền bá Phật học. Nếu không phải là chính tín thì sao được như vậy.

« Cách trí hưng nhi tôn-giáo vong 格致興而尊教亡 », nghĩa là khoa-học càng phát đạt lao nhiều thì tôn-giáo càng suy đồi bấy nhiêu, bởi vì các tôn-giáo phần nhiều là huyền hoặc, không đúng với sự thực. Nay bị khoa học khám phá ra, thì lòng người không tôn sùng như trước nữa. Phật-giáo thì không thế, đã không bị khoa học đã phá, mà lại có cái thế càng ngày càng thịnh, trải gần ba nghìn năm mà căn-bản không hề lay động, bởi vì Phật-giáo không những là không trái với khoa học, mà nhiều lý thuyết lại còn là phát nguyên của khoa học, cho nên các nhà Triết học Âu mỹ mới chịu lớn ngưỡng, và đều công nhận là tín ngưỡng chính đáng vậy.

Phượng sơn : Nguyễn thiện Chính

# VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THỂ-HỆ

(tiếp theo)

## 2. — Ma-ha 摩訶 詞 Thiên-sư

Ma-ha Thiên-sư tên cũ là Ma-ha Ma-gia 摩訶 摩耶, tiền tổ vốn là giống Chiêm - thành, sau lấy họ là Dương 楊, cha là Bái-đà 貝陀, tinh thông về sách bài-diệp của kinh Phật phái Nam-tông, làm quan ở triều nhà Lê về chức phiên-dịch chữ sách bài-diệp, gọi là Bái-đà phiên 貝陀 潘. Thiên-sư là người kiến-thức sáng suốt lắm, học thông cả sách Tàu, sách Ấn-độ. Năm 24 tuổi nối nghiệp cha và kế đấng tại chùa Quan-ái 觀愛 về Cổ-miệt 古幾. Đào-gia-hương.

Thiên-sư thường diễn-giảng về kinh bài-diệp. Sau thấy một vị Hộ-pháp thiên thần trách rằng :

— « Dùng cái học tiếng nước ngoài ấy làm gì ? Cái học ấy nó không thông lý đâu mà dùng ».

Thiên sư vì thế bị bệnh lòa mắt. Người lấy làm hối-hận mãi, đã toan đâm đầu xuống sông tự tử, nhân gặp sư cụ Thông-lâm cụ bèn ngăn lại má rằng :

— « Chỉ chỉ ! »

Nghe lời nói ấy Thiên-sư liền tỉnh ngộ. sau đến chùa Cổ-sơn 鼓山 xin thụ-giáo Đổ-pháp-Thuần Thiên-sư, chuyện việc xam nổi cầu nguyện và tụng « Đại bi tâm chú ». Ba năm như thế mà không trở bệnh lúc nào. Rồi cảm thấy đức Quan-âm Đại-sĩ lấy cành dương sai nước tịnh vào trán và mặt cho Thiên-sư. Thiên-sư bỗng thấy mắt sáng ra và tâm càng thanh-tịnh. Năm Thuận-thiên thứ năm, Ma-ha Thiên-sư đời sang ở chùa Đại-vân-phong xứ Tráng-an, ngày chăm tu tập ngộ được phép « Tổng trì tam muội » và nhiều ảo thuật, không ai hiểu ra làm sao. Vua Đại-hành Hoàng đế nhà Lê ba lần triệu Thiên sư vào cửa khuyết hỏi đạo, Thiên-sư chỉ chấp tay cúi đầu mà thôi. Vua hỏi bai ba lần nữa, Thiên-sư mới thưa rằng :

— « Tôi là kẻ cuồng-tăng ở chùa Quan-ái, nào có biết gì ».

Vua giận lắm, sai lưu Người ở lại chùa Vạn-tuế trong Đại-nội, cho người khóa cửa canh giữ, sáng sớm mai Người đã ở ngoài tăng phòng mà cửa vẫn khóa như cũ. Vua rất lấy làm lạ, phải để cho người tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Ma-ha Thiên-sur bèn vào miền nam chơi ở đất Ái-châu, tới bặt Xa-tràng. Tục dân ở đây sùng phụng quý thần một cách mê-tin quá, mỗi năm sát hai súc sinh để cúng tế rất nhiều. Thiên-sur khuyên dân nên cúng tế bằng trai nghi.

Dân họ nói : « Đức thần đây oai linh lắm, dân làm sai một tí là tai vạ ngay, nên chúng tôi không dám cãi ».

Thiên-sur nói :

— « Nếu các ông bỏ ác làm thiện được thì có tai vạ gì tôi xin nhận hết ».

Bọn người làng thưa :

— Vay thì ở đây có một người ốm đã lâu sắp chết các thầy thuốc thầy cúng đều chịu, xin thỉnh Người chữa cho nếu mà khỏi được thì chúng tôi xin theo lời Người giáo hóa.

Thiên-sur bèn phun nước đọc chú để trị bệnh cho kẻ ốm ấy, bệnh liền khỏi ngay. Dân làng đều thần phục, nhưng vì cái thói cũ nó nhiễm đã lâu, nên chưa hóa ngay đi được. Trong làng có một người bưng hào họ Ngô nhậu khi bần say rượu, hẳn mang rượu bịt đến ép Thiên-sur mà rằng :

— Nếu Người cũng soi được những cái này với chúng tôi thì chúng tôi xin theo đạo Người ngay.

Thiên-sur đáp :

— Vâng không dám từ, nhưng chỉ sợ ăn vào thì đau bụng. Lão họ Ngô nói đùa rằng :

— Nếu Người đau thì tôi xin chịu thay.

Thiên-sur bèn làm theo như họ, một lát Người già



cách kêu đau bụng, trong bụng sôi và chuyển ùng-ục, miệng thở hỗn hển và kêu to lên rằng :

— Ông Ngô chịu thay cho tôi với.

Lão họ Ngô ấy sợ hãi hoảng hốt chưa biết làm ra thế nào. Thiền-sư chấp tay niệm :

— « Nam-mô Phật, nam-mô pháp, nam-mô tăng cứu ngã ». Thì bỗng Thiền-sư thở ra, thịt thì hóa ra con thú chạy đi, cá thì thành con cá nhảy đi, rượu thì thành chất đồng lỏng chảy ra. Chúng đều kinh dị. Thiền-sư nói :

— Thân các ông có bệnh thì tôi chữa cho khỏi ngay. Tôi đau bụng thì các ông không chịu đỡ được tí gì. Thế bây giờ các ông chịu theo về đạo tôi chưa. Mọi người làng đều sụp lạy xin vâng lời.

Năm Thiên - thành thứ hai, quan Đô-úy là Nguyễn-quang-Lý mời Ma-ha Thiền sư về chùa Khai-thiên phủ Thái-bình. Được 6 năm thì Thiền-sư lại bỏ đi vào vùng Hoan-châu. Sau không biết Người đi đâu mất.

**Dịch giả cần án.** — 1. Về thời đại đầu trị còn thấp, người ta hay tin những sự kỳ dị, khó có thể lấy cái công phu một đôi ngày đem chân-lý, chính đạo mà hiểu bảo cho họ nghe ra ngay được. Bởi thế một số nhà đi truyền bá Phật pháp ngày xưa cũng phải có luyện thêm pháp thuật để giúp việc giảng giáo cho chóng có hiệu quả để hàng phục quần chúng rồi sẽ dạy bảo đến chính-giác.

Trong phái Thiền - tông Việt - nam xưa mà có những vị Thiền - sư kiêm có pháp - thuật như Ma - ha Thiền-sư đây cũng là vì cơ đó.

2. Đời Tiền Lê đã có đặt chuyên viện khảo dịch kinh Phật ở sách lá bài tức như cha con nhà Ma-ha Thiền-sư đây. Thiền - sư giống người; Chiêm-thành thì kinh lá bài ấy về phái Nam-tông và viết bằng chữ Ba-lí. Coi đó Phật-học nước ta khi ấy đã mở rộng cửa ngõ, không những chỉ chuyên học lại kinh chữ Hán của Tàu dịch mà thôi. Chẳng may Ma-ha Thiền-sư bị đau mắt, hủ tục chức thuyết cho là bởi cái nghiệp học chữ ngoại quốc khiến Thiền-sư bèn

phế nghiệp Tiếc thay !

Phật-học Việt-nam ta, đời Sĩ-vương các tăng Ấn-độ đến đây dịch chữ Phạm ra, đời Đường các tăng của ta vào Tàu dịch kinh cho Tàu, đời Tiền Lê hai cha con Ma ha Thiên-sư dịch chữ Ba-lị, mà cứu kinh đến nay chẳng còn di tích gì.

Đ. N. T.

## PHẢI CHĂM NIỆM PHẬT

Buổi Phật còn đương tại thế, có một ông già nghe người thiên hạ nói Phật là đấng bậc chí tôn, cao sáng ở trên ba cõi trên trời, dưới trời, không ai sánh cho bằng Phật. Ngày đó, ông đi đến lán cầu Phật đặng xuất gia tu hành, khi đó đệ tử của Phật là ông Xá-lợi-phất ; quở nói : không cho, ông khi còn niên phũ lực cường, làm sao không gắng lo việc tu hành, để cho đến ngày nay, đầu bạc trắng, răng rụng hết, gần đất xa trời rồi, tu hành sao kịp. Phật nghe rồi quở ông Xá-lợi-phất : ông xuất gia tu hành tuy lâu, chưa tỏ biết các việc trong nhiều kiếp đặng. Phật dạy ông Xá-lợi-phất kêu ông già đó lại. Ngài dùng Phật nhãn coi : ông già này nhiều kiếp làm người tiều phu, bị Sơn miêu lão hồ nó đuổi, sợ hoảng chạy trèo lên cây đại thọ, sẽ tiếng niệm Nam-mô Phật, có một chút phước lành đó, nên ngày nay gặp Phật tế độ, sau rồi ông tu hành kiên cố, chừng nên quả vị A-la-Hán.

## TỘI XẢO NGÔN

Họ Lý ở huyện Thân châu, rông nghề làm mai làm mối, miếu có tiền mười thì quyến rũ gạt con gái nhà lành ở đó làm bé, mà chẳng động lòng thương, đến nỗi làm mai con nít cho ông già, cột mối bà già cho trai nhỏ, bọn ấy không vừa ý, tức mình phải phát bùa mà chết hết bảy người. Khi chết họ Lý bị giải đến tòa Án Diêm vương, phán qua nói : « Bởi tội y nói xảo, mà quyến rũ gạt người, nên bị án nặng ; truyền cắt lưỡi bẻ răng, bỏ xương hăm đời đời, cho oan hồn bời tức »

Cư sĩ : Lê đình Hoa

## GIẢNG KINH THẬP - THIÊN

(tiếp theo)

1. Nhất định được người khôn yếu mến, vì rằng nói thêu dệt là lời nói không có nghĩa chân thực, chỉ có thể lừa dối được người ngu si thôi, chứ người khôn thì người ta ghét lắm, cho nên chưa được tội thêu dệt, mới được người khôn yêu mến; 2. Nhất định được cái trí tuệ mà đáp lại câu hỏi của người được chân thực dễ hiểu, nghĩa là đáp lại câu hỏi của người, cốt phải đúng với chân lý, mới phá tan được mối ngờ cho người. 3. Nhất định được làm người có uy có đức rất cao quý trong cõi nhân cõi thiên, không có dối dả bao giờ. Nghĩa là nói sự thực là một phép biện bác rất hùng dũng, chưa được tội nói thêu dệt tức là lời nói chân thực đúng với chân lý, cho nên nhân thiên đều kính phục uy đức của mình).

### 8. CÔNG ĐỨC CHỮA TỘI THAM DỤC

復次龍王！若離貪欲  
phục thứ long vương ! nhược lý tham dục,  
lại lần rồng vua ! bằng lia tham muốn,  
lại nữa Long vương ! bằng lia tham muốn,  
卽得或就五種自在。  
tức đắc thành tựu ngũ đẳng tự tại,  
bèn được nên lời năm giống nghĩ ở  
bèn được nên tới năm thứ tự tại,  
何等爲五？一三業自  
hà đẳng vi ngũ ? nhất tam nghiệp tự  
gi bực làm năm ? một ba nghiệp từ  
những gì là năm ? một là ba nghiệp tự  
在。諸根具足故；二財  
tại, chư căn cụ túc cố ; nhị tài  
ở, mọi đủ đủ đủ có ; hai của  
tại, vì mọi căn đều đầy đủ ; hai là của  
物自在。一切怨賊不  
vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất  
đồ từ ở, một thiết oán giặc chẳng  
cải tự tại, vì hết thầy giặc oán không

尊 故 ; 三 福 德 自 在 . 隨  
**đoạt cớ ; tam phúc đức tự tại, tùy**  
 cướp cớ ; ba phúc đức từ ở, theo  
 cướp được ; ba là phúc đức tự ở, vì  
 心 所 欲 . 物 皆 備 故 ; 四  
**tâm sở dục, vật giai bị cớ ; tứ**  
 lòng thừa muốn, đồ đều đủ cớ ; bốn  
 theo lòng muốn, vật gì cũng đều đủ ; bốn  
 王 位 自 在 . 珍 奇 妙 物  
**vương vị tự tại, chân kỳ riệu vật**  
 vua ngôi từ ở, báu lạ khéo đồ  
 là ngôi vua tự tại, vì các đồ báu lạ  
 皆 奉 獻 故 ; 五 所 獲 之  
**giai phụng hiến cớ ; ngũ sở hoạch chi**  
 đều dâng dâng cớ ; năm thừa được chung  
 đều dâng hiến ; năm là những của kiếm  
 物 . 過 本 所 求 百 倍 殊  
**vật, quá bản sở cầu bách bội thù**  
 đồ, qua gốc thừa tìm trăm gấp - hai khác  
 được, vì lời hơn phần vốn gấp hàng trăm  
 勝 . 由 於 昔 時 不 慳 嫉  
**thắng, do ư tích thời bất khan tật**  
 được, bởi chung xưa lúc chẳng - keo ghét  
 lãn, bởi chung ngày xưa không keo không ghen  
 故 . 是 爲 五 . 若 能 廻 向  
**cớ, thị vi ngũ, nhược năng hồi hướng**  
 cớ, ấy làm năm. bằng hay quanh ngoảnh  
 ghét, ấy là năm. Nếu hay hồi hướng  
 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩  
**a lốc đa la tam riệu tam bồ**  
 a lốc đa la tam riệu tam bồ  
 cầu đạo chính định lệt bực  
 提 者 . 後 成 佛 時 . 三 界  
**đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới**  
 đề ấy. sau nên Phật lúc, ba cõi  
 ấy, sau khi thành Phật, ba cõi

特 尊 . 皆 共 . 供 養 .  
đặc tôn, giai cộng cung dưỡng.

một tôn, đều cùng cúng nuôi.

một tôn, đều cùng cúng dâng.

Lại nữa, Long-vương này! nếu chưa được tội tham dục, tức thì được hưởng năm thứ tự tại. Những gì là năm? 1. Ba nghiệp tự tại (tùy tâm tự do) các căn đều hoàn toàn; 2. Tiền của tự-tại, hết thấy giặc thù đều không làm hại được; 3. Phúc đức tự tại, tùy tâm muốn gì, đều được như thế; 4. Ngồi vua tự-tại, bao đồ chân quý, đều dâng tiến mình hết; 5. được hưởng phần lời gấp trăm lần mình đã định, là vì kiếp trước không keo không sên, thế là năm. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo A lốc đa la tam riêu tam bồ đề, sau này thành Phật sẽ được ba cõi (cõi dục cõi sắc cõi vô sắc) cùng tôn kính cùng cúng dâng hết.

### 9. CÔNG ĐỨC CHỪA TỘI CÁU DẶN

復 次 龍 王 ! 若 離 嗔 恚 .  
phục thứ long vương ! nhược ly sân khüê,

lại lần rồng vua ! bằng lia dận tức,

Lại nữa Long vương ! nếu lia cầu dận.

卽 得 八 種 喜 悅 心 法 .

tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp,

bèn được tám giống mừng vui lòng phép.

bèn được tám phép vui thích lòng,

何 等 爲 八 ? 一 無 損 惱

hà đẳng vi bát ? nhất vô tổn nảo

gi bức làm làm ? một không hại buồn

Những gì là tám ? một không lòng hại

心 ; 二 無 嗔 恚 心 ; 三 無

tâm ; nhị vô sân khüê tâm ; tâm vô

lòng ; hai không cầu dận lòng ; ba không

buồn ; hai không lòng cầu dận ; ba không

諍 訟 心 ; 四 柔 和 質 直  
tránh tụng tâm ; tứ, nhu hòa chất chực

cãi kiện lòng ; bốn mềm hóa chất thẳng  
lòng ; cãi kiện ; bốn có lòng nhu hóa

心 ; 五 得 聖 者 慈 心 ; 六  
tâm ; ngũ đắc thánh giả từ tâm ; lục

lòng ; năm được thánh giả lành lòng ; sáu  
thẳng thân ; năm được lòng lành như thánh ; sáu

常 作 利 益 安 衆 生 心 ;  
thường tác lợi ích, an chúng sinh tâm ;

thường làm lợi lợi, yên nhiều sống lòng ;  
có lòng thường làm lợi ích yên ổn chúng sinh ;

七 身 相 端 嚴 眾 其 尊  
thất thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn

bảy mình tướng ngay nghiêm nhiều cùng tôn  
bảy thân tướng đoan nghiêm, chúng cùng tôn

八 以 和 忍 故 速 生  
kinh, bát dĩ hòa nhẫn cố, tốc sinh

kinh, tám lấy hòa nhẫn cố chóng sinh  
kinh, tám vì cố hóa nhẫn, chóng sinh

梵 世 是 爲 八 若 能 勉  
phạm thế, thị vi bát nhược năng hồi

phạm đời ấy làm tám bằng hay quanh  
phạm thế, ấy là tám, nếu hay hồi

向 阿 耨 多 羅 三 藐 三  
hướng, a lặc đa la tam riểu tam

ngoảnh, a lặc đa la tam riễn tam  
hướng, cầu đạo chính định tốt bậc

菩 提 者 後 成 伏 時 得  
bồ đề giả, hậu thành Phật thời đắc

bồ đề ấy, sau nên Phật lúc được  
ấy sau khi thành Phật được lòng

佛 無 礙 心 觀 者 無 厭  
Phật vô ngại tâm, quan giả vô yếm.

Phật không ngại lòng, xem ấy không chán.  
vô ngại như Phật, xem ấy không chán.

(còn nữa)

## TÂY - VỤC KÝ

(tiếp theo)

« Vị khách-lãng ngữ trợ ấy, ở tận bên nước Chi-na sang, muốn học kinh và đi lễ các thánh-tích bên Ấn-độ để nghiên cứu xem bởi những điều chưa hiểu. Người ấy vì pháp mà lại, có rất nhiều thiện thân theo hầu. Hiện nay đến đây, các sư nhờ có túc-phúc, nên được người xa kính mến, phải nên chăm tụng niệm, khiến cho người ta tán thán tin ngưỡng mới phải, làm sao lại cứ chể nải mà ngủ kĩ thẽ được ».

Chư tăng thân thể, đều rất mình tinh giầy, tụng kinh lễ niệm cả đêm. Đến sáng họp nhau, cùng nói rõ nhân duyên, mới biết Pháp-sư là một người phi thường, càng thêm kính lễ.

Bàn hoàn mấy hôm lại đi, còn cách Vương-thành độ một do tuần, đến một nơi « phúc-xá » (Đạt-ma-xá-la, tức là một sở cho hành khách chủ và nuôi những người nghèo đói).

Vua xuất quần thần và các sư trong thành đến nhà « phúc-xá » đón tiếp, cờ phướn rợp giới, ngựa xe chen chúc. Khi đến nơi rồi, làm lễ tương kiến rất là long trọng. Vua lại thân đem bó hoa đến cúng dâng Pháp-sư. Đoạn thỉnh Pháp-sư lên cưỡi một con voi lớn, rước vào trong kinh thành, thỉnh tạm trụ ở chùa Xá-gia-nhân-đà-la (chính ngôi chùa của cậu vua làm nên).

Sáng hôm sau, mời vào trong cung cúng dâng, và sắc cho hơn 30 vị Cao-tăng đại đức đến thù tiếp. Tọa chái xong, vua thỉnh dâng kinh, và khiêu một vị sư cụ được tôn là Pháp-sư đến bàn những nghĩa khó hiểu, người xem lấy làm vui thích lắm. Vua cảm cái lòng đi xa cầu đạo, thiếu kinh sách học, mới cấp cho 20 người thư ký, để viết các kinh luận. Lại cấp riêng 5 người để hầu hạ, muốn dùng cái gì, vua đều cấp hết.

Vị sư cụ của vua ủy ra bàn nghĩa, nguyên là một người có hạnh cao quý, giữ giới thuần khiết, hiểu lý sáu sa,

biết nhiều học rộng, tài chí hơn người, đạo-tuệ khác chúng, mà tính lại yêu người hiền, trọng kẻ sĩ, đối với Pháp-sư là bậc thượng tôn, càng thêm chu toàn hơn nữa, Pháp-sư cũng rớt lòng hồi hạo, sớm khuya không trễ, và thỉnh dâng thu các luận. Sư cụ ấy tuy tuổi đã ngoài 70, khi lực đã suy nhưng mừng vì được gặp một bậc tài trí thần kỳ, nên cũng cố gắng dâng giải. Từ sáng đến chửa dâng xong « Cầu-xá-luận ». Từ chửa đến chiều, dâng « Chính-lý-luận ». Buổi tối và quá đêm dâng « Nhân-minh thanh-minh-luận ». Vì thế các nhà học giả trong xứ ấy đều họp cả ở đấy nghe pháp. Pháp-sư ngồi nghe dặng sách đến đâu, liền lĩnh-ngộ được đến đấy, lại còn nghiên-cứu tới chỗ sâu sa, phá tan các chỗ mắc mứu, cho hiểu tới tận chốn thần bí.

Sư cụ mừng quá tán thán mãi và bảo cả đại chúng rằng :

- Vj sư ở Chi-na này, trí lực lớn lao, trong các ông đây, không có ai hơn được. Cứ như tới phần thông minh trí tuệ mà xét, thực đủ sức nổi gót theo chân được anh em ngài Thế-thân Bồ-tát. Chỉ đáng tiếc rằng sinh ở nước xa xôi, không được sớm thấy đạo pháp của thánh hiền mà thôi.

Bấy giờ trong chúng có mấy vị sư ở nước lân bang đấy là ông Tịnh-sư-tử, ông Tối-thắng-thấu, ông Như-lai-hữu, ông Thế-hữu, ông Nhật-thiền, ông Tối-thắng-cửu, đến học sư cụ ở đấy đã lâu đã vào bậc đạo nghiệp vững bền, tài trí sáng suốt bao la củ, so với sư cụ tuy còn kém, nhưng so với mọi người thì đã hơn nhiều, thấy sư cụ tán thán Pháp-sư như thế, đều lấy làm tức, mới xúm lại hỏi vặn Pháp-sư. Pháp-sư cũng cứ đáp lại rõ ràng rành mạch không có chỗ nào là không hiểu. Vì thế các sư, đều tự hổ thẹn và kính phục cả.

Nước này nguyên xưa là một cái ao của Long-vương. Sau khi Phật tịch được 50 năm, một vị đệ-tử ngài Át-



nau là Mat-diễn-dê-ca-a-la-hán giáo hóa Long-vương bỏ ao lập nên 500 ngôi chùa, mời các thánh hiền đến ở cả đấy, để cho Long-vương được cúng dàng. Sau khi đức Ca-nhị sắc-ca-vương Như-lai tịch rồi, chừng 400 năm, nhân ngài Hiệp-tôn-già mời các bậc thánh chúng trong đã học hết tam-tạng, ngoài đã thông cả ngũ-minh, được tất cả 499 vị, hợp với ngài Thế-hữu, vừa đủ số 500, cùng họp ở đấy, kết tập Tam-tạng.

Trước tiên làm 10 vạn bài tụng « Ô-ba-đê-thước luận » giải thích tạng Kinh, thứ làm 10 vạn bài tụng giải thích tạng Luật, thứ làm 10 vạn bài tụng giải thích tạng Luận, cộng tất cả là 30 vạn bài tụng, 96 vạn câu Vua cho đúc đồng đổ làm từng bản, khắc cả ba tạng, rồi cho vào trong bóm đá, xây một cái tháp rất lớn để chứa ba tạng và phong thần Dược-xoa canh gác, nghĩa lý sâu sa, lại được tỏ rõ, là nhờ vào đấy.

Pháp sư ở lại đấy một năm, học các kinh luận, chiêm lễ các thánh-tịch, rồi mới từ đi.

Thăng phía Tây nam, chèo non vượt suối, đi hơn 700 dặm, đến nước Ất-la-xà 53-la.

Từ đó quanh về phía Đông nam xuống núi, qua sông, đi hơn 700 dặm, đến nước Tước ca. Từ xứ Lam-ba đến xứ này, là thuộc về nơi biên thù, ăn mặc nói năng hơi khác Ấn-Độ một chút mà phong tục thì lại rất bạc bẽo.

Từ đó ra đi, 3 ngày ròng rã qua sông Chiên-đạt-la bà-già, đến thành Xá-già bô-la, ngủ trọ ở một ngôi chùa ngoài đạo. Chùa ở ngoài cửa Tây thành, tăng đồ có hơn 20 người.

Hôm sau vào trong thành Sa-yết la. Trong thành có một ngôi chùa, tăng đồ hơn 100, ngài Thế-thân Bồ-lát làm họ « Trường nghĩa đề luận » ở đấy. Bên đó có một cái tháp, cao 200 thước là chỗ 4 vị Phật quá khứ thuyết-pháp ở đấy, giấu vết đi lại hầy còn đủ cả.

Từ đó ra Thành Na-la lảng ha, đi về phía Đông, đến rừng lớn Ba-la-sa gặp một đám cướp hơn 50 tên. Đồ-dạc tiền lương của Pháp-sur và các hành khách đều bị bóc lột hết, lại còn khua dao dòn cả vào một cái ao cạn ở phía Nam bên đường, toan giết chết hết. Vì cái ao ấy có nhiều bụi cây um tùm, chú tiều theo hầu Pháp-sur thấy bên bờ ao phía Nam có một cái cống, có thể chui qua được mới nháy Pháp-sur. Pháp-sur liền cùng chú tiều chui qua cái cống, hết sức chạy được độ 2, 3 dặm thấy một người Bà-la-môn đang cấy ruộng, mới bảo cho biết tin cướp. Người ấy nghe rồi, lấy làm hãi lắm liền tháo cây ra, cùng Pháp-sur chạy thẳng về làng, thối tù-và dầm lên, tuần tráng trong làng kéo đến được hơn 80 người, mang gươm mang giáo, kéo nhau đến chỗ xảy ra việc cướp. Quân cướp thấy dân chúng đến đông, đều chạy trốn cả vào trong rừng. Pháp-sur liền vào trồng ao, cõi trôi cho mọi người, cùng giắt nhau về làng ngủ trọ. Mọi người đều khóc, chỉ có một mình Pháp-sur vẫn vui cười như thường. Mọi người hỏi :

— Tư trang hành lý, bị cướp hết cả, may được sống sót, tình cảnh đến thế là cùng, sao Pháp-sur không lo, lại cứ cười hoài ?

Pháp-sur nói :

— Ở trên đời này, chỉ có tính mệnh là quý nhất, tính mệnh vẫn còn, ngoài ra còn lo gì nữa. Trong sách nói rằng : « vật báu nhất trong trời đất là cái sống, còn sống tức là còn vật báu lớn, tư trang hành lý, là vật nhỏ mọn, làm gì mà tiếc ».

Xem đó đủ biết tâm tính Pháp-sur trong sạch tuyệt trần, không có cái gì làm cho vẫn đục được đến như thế.

(còn nữa) . :

## TÂY - VỤC KÝ

(tiếp theo)

Hôm sau đi đến phía Đông nước Thước-ca, có một cái thành lớn. Về phía Tây-bắc thành, có một cái rừng Đại-am-la, có một vị Bà-la-môn, thọ 700 tuổi, mà đến xem người thi chỉ vào chạc hơn 30 tuổi, trang mạo khôi ngô, học vấn thâm thúy, hiểu hết các bộ như : Trung luận, Bách luận và Phệ-dà v. v., có 2 người hầu, thọ hơn 100 tuổi.

Pháp-sư đến yết, tiếp đãi rất ân cần. Pháp-sư nói đến chuyện bị cướp mất cả hành-lý. Người ấy liền sai một người hầu vào báo cho những người tin Phật ở trong thành biết để lo việc cúng dàng Pháp-sư.

Nguyên trong thành ấy, có đến hơn 3000 nhà, nhưng ít nhà tin Phật, phần nhiều theo ngoại đạo cả. Vì khi Pháp-sư ở nước Ca-thấp Di-la, tiếng khen đồn lừng đi xa, các nước đều biết, nên khi có tin báo rằng : « Vị sư ở Chi-na bị cướp hết cả hành lý », thì tự nhiên nhờ phúc-lực mà cảm động, khiến cho người theo đạo khác cũng sinh lòng kính mộ, có đến hơn 300 người, nghe tin liền sắm sửa vải lụa, đồ ăn, thức dùng, đến cả trước mặt Pháp-sư mà quy lạy thăm hỏi. Pháp-sư chúc nguyện cho và đáng cho nghe cái luật « nhân quả báo ứng », khiến cho mọi người đều mở lòng Bồ đề, bỏ tà quy chính, cùng trông vào nhau cười nhầy nhót mà về. Người già cũng tác thần rằng : « Thực là một sự chưa từng có bao giờ ».

Bấy giờ Pháp-sư bảo đem áo vải phân phát cho mọi người, mỗi người được 3, 4 bộ, dùng không hết. Lại đem 50 tấm vải cúng ông cụ già và lưu lại một thùng đề học « Bách-luận ». Vì người già ấy là đệ-tử của ngài Long-mãnh, được thầy truyền chính pháp cho, nên dâng lễ rất rõ ràng.

Từ đó đi về phía Đông, hơn 500 dặm, đến nước Na-bộc-đề, nghỉ ở chùa Đột-xá-tát-na.

Trong chùa ấy có một vị đại đức, tên là Điều-phục-quang (Ti-nhi-đa-bát-lạp-bà, tức là con vua nước Bắc Ấn-độ), tướng mạo khôi ngô, học thông tam-tạng, tự làm một bộ « Ngũ-uân-luận », trích nghĩa bộ « Duy thức tam thập luận »

Vì thế Pháp-sư mới lưu lại 4 tháng, học các bộ như Đối-pháp luận, Hiền-tôn luận, Lý-môn luận, v. v...

Đi về phía Đông nam, cách thành chừơng hơn 50 dặm, đến chùa Am-làm (Mạt tô phạt na tăng), tăng đồ hơn 300 vị học về bộ « Nhất-thiết hữu » Ngàn Phật kiếp quá khứ thuyết-pháp cho nhân thiên nghe ở đấy. Sau khi đức Thích-ca tịch rồi độ 300 năm, có một vị Luận-sư là Ca-đa-diễn-na, làm bộ « Phát-tri luận » cũng ở đấy.

Từ đó đi về phía Đông bắc, độ 140, 150 dặm, đến nước Xá-lạp-đạt-na. Trong có một ngôi chùa, là chùa La-ca-la-đa-na, có một vị đại-dec là Nguyệt-tro (Chiến-đạt-la-phạt-na), tinh thông tam-tạng, vì thế Pháp-sư mới đình lại 4 tháng, học « Chúng-sự phạm ti-bà-sa ».

Từ đó đi về phía Đông-bắc, đường núi rất nguy hiểm. Đi hơn 700 dặm, đến nước Khuất-lộ-đa. Lại về phía Nam hơn 700 dặm, đến nước Ba-lí-giá-đạt-na. Lại đi về phía Đông, hơn 500 dặm, đến nước Mạt-thổ-la. Ở đấy còn đủ cả các tháp của các vị thánh đệ-tử của đức Thích-ca, như ngài Xá-lợi-tử, ngài Một-đặc-già-la, ngài Đát-lộ-diễn-ny-phất-đát-la, ngài Ưu-ba-li, ngài Át-nan, ngài La-hỗ-la, ngài Mạn-thù thất-lợi v. v. Hằng năm cứ đến ngày tu phúc, tăng đồ cùng nhau tùy chổ sở-tôn mà làm lễ cúng dâng. Như bọn A-ti-đạt-ma, thì cúng dâng ngài Xá-lợi-tử; bọn « tập-thuyền-định » thì cúng dâng ngài Một-đặc-già-la; bọn trì tụng kinh điển thì cúng dâng ngài Đát-lộ-diễn-ni-phất-đát-la; bọn học Luật thì cúng dâng ngài Ưu-bà-li; các sư nỳ thì cúng dâng ngài Át-nan; các chủ liệu thì cúng dâng ngài La-hỗ-la; bọn học về Đại-thặng thì cúng dâng các ngài Bồ-tát.

Về phía Đông ngoài thành chừng 5, 6 dặm, có một quả núi. Trong núi có một ngôi chùa chính tay ngài Câu-hộ tôn-giả làm nên (Ô-ba cúc-đa). Trong chùa còn có đủ cả móng chân, móng tay, tóc và « xá-lợi ».

Về phía Bắc chùa ấy, trên núi có một cái nhà đá, cao hơn 20 thước, rộng hơn 30 thước, trong xếp đầy những cái thẻ tre con ki niêm cái công Cận-hộ tôn-giả thuyết pháp cho người nghe. Người nào cả đôi vợ chồng cùng ngộ đạo, chúng La hán cả, mới bỏ một cái thẻ vào đấy. Ai tu một mình, hay là giòng khác dù chừng cũng không kể.

Từ đó đi về phía Đông bắc, chừng hơn 500 dặm, đến nước Tát-tha-ny-thấp phạt-la. Lại đi về phía Đông, chừng hơn 400 dặm, đến nước Lộc-nặc-la. Phía Đông tới sông Căng-già, phía Bắc tựa núi lớn, ở giữa là sông Diêm-mâu-na.

Lại đi về phía Đông, hơn 800 dặm, đến sông Căng-già, lòng sông rộng tới 3, 4 dặm. Chỗ cửa sông chảy vào bể rộng hơn 10 dặm, nước ngọt lạ, cát rất nhỏ, tục gọi là « Phúc-thủy ». Vào trong nước tắm, trừ tội chướng; uống nước cát ấy, thoát khỏi tai vạ; ai bị chết đuối ở đấy, được sinh lên Thiên-đường ngay. Những bọn ngu-phu, ngu-phụ, không hiểu chính đạo, cứ nghe những lời bịa đặt bậy bạ ấy, thường họp nhau ở trên sông mà tắm, mà uống, xây chân chết đuối cũng nhiều. Sau có ngài Đê-bà bồ-tát ra đời, chỉ rõ chính-lý cho, từ đó mới không có những sự tin nhầm như thế nữa.

Trong nước có một vị đại-đức, tên là Xà-gia cúc-đa, lão thông Tam-tạng. Pháp-sư mới đĩnh lại hơn 4 tháng học cho xong bộ « Ti-bà-sa ».

Qua sông Căng-già, sang bờ phía Đông, tới nước Mạt-đê bồ-la. Vua là giòng họ Thú-đa-la, có hơn 10 ngôi chùa. Tăng đồ hơn 800 người, đều là phái Tiều-thừa, học bộ « Nhất-thiết-hữu » cả.

Về phía Nam ngoài thành chừng 4, 5 dặm, có một ngôi chùa nhỏ, tăng đồ hơn 50 người, tức là chỗ ngài Đức-quang Luận-sư (Cù-noá-bát-tiêch) làm hơn 100 bộ như « Biện-châu luận » ở đây. Luận-sư là người nước Bát-phật-đa, trước học Đại-thừa, sau theo Tiểu-thừa. Vì có ngài Thiên-quân La-bán (Đê-bà-tê na) thường đi lại trên cung Đê-sử-đa, Luận-sư cũng muốn lên yết kiến Đức Di-lặc để quyết cho các điều ngờ vực nhờ ngài Thiên-quân dùng thần-lực tiếp lên cung trời. Khi vào yết Đức Di-lặc, chỉ vài không lẽ và nói rằng: « Minh xuất-gia, giữ đủ giới Luật, còn ngài Di-lặc ở trên cung trời, cũng như người tục, lẽ là trái phép » Đi lại đến 3 lần, đều như thế. Vì đã tự-cao ngã-mạn như thế, cho nên cũng không quyết được câu ngờ nào.

Về phía Nam, cách chùa Đức-quang chừng 3 4 dặm, có một ngôi chùa, tăng đồ hơn 200 người, đều theo tiểu-thừa, tức là chỗ ngài Chúng-hiền Luận-sư tịch ở đây. Luận-sư nguyên là người ở nước Ca-thấp Di-la, học rộng tài cao, hiểu hết các Luận « Ti-bà-sa » trong bộ « Nhất-thiết-hữu ». Lúc bấy giờ có ngài Thế-thân Bồ-lát, cũng là một bậc thông minh tri-luệ, học văn bao la, đã làm trước một bộ « A-tì đạt-ma câu-xá-luận », phá những chỗ chấp lầm của các thầy « Ti-bà-sa », lý luận uyên áo, văn tự hoa mỹ, các học giả cõi Tây-vực, ai cũng tau thán kính ngưỡng. Ngài Chúng-hiền xem vẫn lấy làm tức, giảng chỉ trong 12 năm, nghiên cứu kỹ lưỡng, rồi làm ra bộ « Câu-xá bạc-luận » có 25000 bài tụng, cộng 80 vạn câu. Làm xong đã định tìm đến tận mặt ngài Thế-thân mà quyết định phải trái, nhưng công cuộc chưa xong đã tịch rồi. Sau ngài Thế-thân xem sách của ngài, cũng phải than thở là hiểu sâu lắm và nói rằng: « sức nghĩ ngợi sâu sa, thực không kém gì các nhà chuyên môn « Ti-bà-sa », mà lại rất hợp với nghĩa của ta, nên đặt tên là « Chính-lý luận », ban bố cho đời cùng theo ». (còn nữa)

## LỄ KHÁNH THÀNH CHI HỘI PHẬT-GIÁO XÃ NINH-CƯỜNG NAM-ĐỊNH

Hôm mồng 10 tháng Tư Annam vừa rồi, chi hội Ninh-cường làm lễ khánh thành rất long trọng, trên Trung-ương có Cụ Hội-trưởng Nguyễn-tượng-công về chủ tọa, đi cùng Cụ có Cụ Phó bảng Bùi-Kỷ và Á-Nam Tiên-sinh, thư ký riêng Cụ Chánh-hội. Bên tăng thì Sư Cụ Hương-gia chùa Quán-sứ. Có Cụ Hiệp-tá Đại-học-sĩ, tông-đốc trí-sĩ Phan-đình-Hộc là chánh Đại-lý chi hội Phật giáo Bắc-kỳ tỉnh Nam-định cũng đến dự lễ.

Xe ô-tô cụ Hội trưởng đến đầu làng Ninh-cường vào quáng 10 giờ sáng thì đã thấy Cụ Nguyễn-văn Uông, tú tài tiền chủ, Đại-lý chi hội và kỳ lão, huynh thứ mặc áo thụng xanh sẫm hàng đứng một dãy dài ở trước cửa một tòa khải hoàn môn đồ sộ, cờ sí, tàn quạt một đám giải; cột đèn giồng sao sát từ đầu làng vào đến cửa chùa, ước chừng 2 cây số, nhân dân, vừa người làng và hàng tồng đến xem kẻ có hàng ngàn đứng đặc đen, trên đường dưới ruộng. Có đến chục cái võng trần, đòn cong và mấy chục cái lọng.

Có quan Trự-tá huyện Trự-ninh đem lính cơ đến giữ trật tự.

Quan khách đều lên võng rước về chùa, đi trước thì sinh ca, nhã nhạc, lỗ bộ, cờ xí rợp đường. Bày ra một cái cảnh tượng lúc cụy thời, mà bây giờ ta ít trông thấy, khiến cho những người hoài cổ không khỏi động mỗi cảm tình.

Khi đám rước đến chùa thì chừ tăng ở miền xung quanh đấy ra đón, có đến hai mươi vị.

Bước chân vào chùa thì Cụ Hội-trưởng vào ngay trước Phật điạ làm lễ, rồi ra yên tọa, thì Cụ Tú Nguyễn văn Uông đọc chúc từ, kể đến Sư Cụ Thông-Quý trụ-tri chùa Duyên-Bình, thôn Nam-trực, là Đại-lý bên tăng của chi hội Ninh-cường ứng khẩu nói về Tôn

chỉ đạo Phật và mục đích của hội Phật-giáo mà cu đã thấu hiểu. Cụ nói đến nửa giờ một cách rõ ràng, xuôi như nước chảy, xem ra Cụ là một vị tăng thông tuệ, lịch duyệt, ai nghe cũng phải ngợi khen.

Cụ Hội-trưởng đáp lại tỏ lòng vui vẻ và ngợi khen bên tăng giới và bên cư-sĩ chi hội Ninh-cường đã tỏ cửơ lên được chi hội, xem ra có vẻ đông vui, nhưng cu trông mong rằng: số giáo hữu một ngày một thêm đông và ban Trị sự chăm việc giảng kinh, diễn thuyết để cho chân lý của đạo Phật được mau lan khắp mọi nơi.

Làm lễ xong, truyện trò vui vẻ, đến 3 giờ thì Cu Hội-trưởng cùng các quan ra về.

## THỜI SỰ

### TIN TRONG NƯỚC

Sở tiền bèn Pháp gửi giúp dân lụt Bắc-kỳ đã tới. Tiền Chính-phủ Pháp gửi sang giúp nạn dân Đông-dương là 3 triệu quan đã tới. Hội đồng chia ra: Nam-kỳ 1.500.000 quan. Bắc-kỳ 1.000.000 quan. Cao-mên 400.000 quan. Trung-kỳ 90.000 quan. Ai-lao 1.000 quan. Trong món tiền được chẵn cấp nay các xứ định để cho các điền chủ vay nợ lãi. Còn Bắc-kỳ thì định để phát cho dân bị lụt. — Ổn chẵn lẽ này chắc là bởi thương những cuộc trừ-lính di dân Nhục-bình — Kỳ trước Đuốc-Luệ đã dâng nạn dân bị lụt ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ mà bên Thượng-quốc ban cho. Nhưng chỉ vì danh nghĩa là chẵn-cấp cho xứ Đông-dương, nên các nhà điền-chủ xứ không bị lụt cũng được chia tiền chẵn ấy. Thế là sáu mặt một kẻ xin tương, xin về cả phố cả phường cùng ăn.



Việc quan Công-sứ với dân Ninh-bình tru tiền đi 100 gia đình nghèo khó đi khai khẩn miền thượng-du cho có chỗ cùng nhau nuôi sống. Nay muốn tiến hành sự-ngiệp di dân đề cử với dân cùng, các hương chức tan cụu các xã, phân vụ thuế, mở rộng hội cứu-tê, định mỗi suất đinu đóng thêm 3 xu vào hội để giúp việc di dân. Một hôn đắp chũ nếu non, nhiều hôn góp lại nên tròm núi cao. 3 xu của mỗi suất đinư lĩnh Ninh-bình vào hội di dân này thực là phúc-đức, không còn chút ân hận gì nữa.

**Gái Tàu làm mật thám cho Nhật bị bắt.** — Vừa mới đây một cô nữ học sinh Tàu du học tại Nhật, vì nghe tin-hàn làm mật thám cho Nhật ở miền Hanoi — Vân-nam. Trước đây cô đã chọ ở nhà khách-sạn Đông-lợi sế cửa ga Hàng-cổ Hanoi vai thàng. Cô ta thường lầu quất đi những miền Nam-định, Đap-cầu, Sơn-tây v. v. Có lẽ việc thám thính ở đây đã xong, nên cô ta sang Vân-nam thì đã bị bắt rồi.

**Dự án lương cũ lương mới đều nhau sắp thi hành.** — Chính-phủ Đoug-dương đã tiếp được nghị định duyệt y của bộ thuộc-địa bên Pháp cho hai ngạch lương mới cũ của các chức-dịch công-sở được đều nhau, cho sự sinh-hoạt của các chức dịch ấy khỏi chũnh lệch kể đủ ă người thiếu tiêu. Nha tài-chính đã xũ soạn đề tui bành nghị định ấy.

## TIN THẾ-GIỚI

**Bên Pháp.** — Đêm hôm 28 Mai, một nhũ ga và một lang Pháp ở Cerbère bị một đoàn máy bay ở phía Tây-ban-uba bay sang ném bom xuống tàn phá. Quân của phái Franco nói cái tai nạn lớn ở biên thùy đó do không quân của phái binh-dân gây lên. Chính phủ Pháp đã mở cuộc điều tra rất ngặi và đã tăng các cách phòng không, đặt súng cao xạ ở miền ấy.

Dù bên binh-dân hay là bên Franco của nước Tây-ban-nha mặc lòng họ vừa nhỏ vừa đang nội-loạn mà dám trọc tức một lân-bang giàu thịnh như nước Pháp như thế, há là sự đùa được dư. Mong sao cho sự biến cố ấy chóng ra mạnh mẽ mà xếp, yên đi cho khỏi gây thành tranh-đoan.

**Bên Tàu.** — Tin Thượng-hải ngày 6 Jun, Khai-phong là tỉnh-ly Hà-nam đã thất-thủ rồi. Còn Trịnh-châu gần Khai-phong cũng nguy-cơ lắm, có tin quân Tàu định bỏ mà lui vào núi tỉnh ấy để lập phòng tuyến khác. Lại Hán-khâu là thủ đô Hồ-bắc, hai bờ quân sự và ngoại giao của Tàu hiện ở đó. Nay bị quân Nhật uy hiếp, quân Tàu cũng định bỏ nốt. Khi thế kháng chiến quân Tàu vẫn hăng không nhụt, đối với nguy cơ nước mất nhà tan, quân Tàu cố nhiên phải như thế. Song Khai-phong, Trịnh-châu mà mất thì chỗ ngã tư giữa nước đường giao-thông của Tàu xuất từ bắc sang nam, từ đông sang tây, vào tay địch-nhân thì cũng khá lo cho sự dụng binh của quân Tàu vậy.

Các báo nói quân Nhật bình như cấp dùng mưa bom tàn phá các nơi chưa lấy được ở Tàu cho chóng kết liễu chiến tranh. 11 ngày thì 10 ngày ném bom tàn phá tỉnh Quảng-đông, phá vỡ nhà máy nước 3 viên kỹ sư người Anh bị thương. Nhà thương Paul-Doumer của Pháp làm ở Quảng-đông bị bom Nhật phá vỡ cả phòng thí nghiệm, hại ước 3 triệu. Hiệp Cbính-phủ Pháp đang kháng nghị.

Nhật với Đức ký hợp-ước, Nhật giả Giao-châu cho Đức, Đức rút cố vấn viên ở Tàu về không giúp Tàu nữa.



TIỀN CUNG CÔNG ĐỨC LÀM CHÙA  
HỘI QUÁN TRUNG - ƯƠNG

Cụ lớn Võ-Hiền Hoàng-tướng-công	500\$00
Hai vị Phu nhân cụ Chánh-lội trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ	500 00
Chư tăng Kiến-thụy (Kiến-an)	17.00
Chi hội Kiến-thụy	43 00
Chi hội Bắc-ninh	50 00
Chi hội Nam-sách (Haidương)	30.00
Một vị vô danh (24 5-38)	1.00
Ông Khánh Anb, chùa Đồng đẽ (Trà-ôn)	2.0)

Chi hội Bình giang (Haidương) cũng góp làm chùa :

M. M Nguyễn trí Thuận, Thủ quỹ chi hội Bình-giang,  
Nguyễn đình Tân, Vũ tại Bết. Tất cả 4\$00

**TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỐ**

Bà Nguyễn thị Cồn, làng Cỏ xá, Tiền hương Thái bình,  
viên tịch ngày 22 tháng 2 ta (1933).

M. Nguyễn đức Kỳ, làng Nguyễn xá, Tiền hương, Thuận-  
biển, viên tịch ngày 4 tháng 3 ta (1938).

M. Hoàng đình Ái, N. 13, Voie 33 Hanoi, viên tịch  
ngày 13 Av. il 1938.

M. Nguyễn-Thận, 76, Sœur Antoine Hanoi, tạ thế ngày  
7-5-33.

Mme Đặng-thị-Huệ, 27 Rondony Hanoi viên tịch ngày  
9-5-38.

Bà Nguyễn thị Vương, ở số 5 Phố Trippenbach Hanoi,  
viên tịch ngày 17 Mai 1938.

Madame Nguyễn hữu Tiếp, née Công-nữ Kiều-nghiêu  
28 Bd. Gia-long Hanoi, viên tịch ngày 19 Mai 1938.

Madame Nguyễn văn-Khoát, née Trần thị Vinh, 88 Rue  
Lé lợi Hanoi, viên tịch ngày 24 Mai 1938.

Madame Bùi thị Diễm, ở 51 hàng Mầm Hanoi, viên tịch  
ngày 24 Mai 1938.

M. Nguyễn Ghi, ở làng Hoàng mai, huyện Hoàn-long  
Hadong, viên tịch ngày 12 tháng ba năm Mậu dần (1938).

# HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Đặng công Chấn à Bắc liêu (29 à 76)	1\$50
Dương tấn Phát à Long xuyên (76 à 97)	1.50
Bùi quang Đạo, Omon à Cần thơ (77 à 100)	1.50
Khánh Anh, Trà ôn à Cần thơ (52 à 106)	2.00
Trương đình Chí à Huế (81 à 99)	1.15
Nguyễn thị Trầm, à Phan thiết (62 à 86)	1.50
Võ ái Khái, Thanh phu à Bến tre (52 à 76)	1.00
Đỗ hữu Giáo à Vinh long (76 à 99)	1.50
Trần văn Đát à Vinh long (76 à 99)	1.50

Madame Lang à Huế. — Bản-báo tiếp được thư của Bà, trong nói trả tiền báo 1\$50. Nhưng chỉ thấy có 9 chiếc tem (timbres) 0.05 và 5 chiếc 0.01 tức là 0\$50 thôi.

Vậy xin Bà xét xem vì cớ gì và trả lời cho Bản-báo biết để liên việc sổ sách. Cảm ơn.

Đ. T.

---

## KÍNH CÁO CÁC NGÀI HỘI VIÊN HỘI PHẬT-GIÁO HANOI

---

Chiều theo nội lệ của Hội, khi một vị Hội viên nào về châu Phật, hội có cử ba vị tăng và Ban Hộ niệm đi tiếp dẫn, nhưng nên nhớ cho rằng :

1. — Giấy cáo phó nên cho hội biết 24 giờ đồng hồ trước khi cất đám mới có đủ thời giờ mời các hội viên đi đưa.

2. — Xin đệ cho hội cái các (Carte de membre) và cái biên lai nộp tiền vào hội của vị hội viên quá cố.

3. — Hội đã có in một thứ giấy riêng để cho tang gia dùng về việc cáo phó cho hội. Xin cử đến chùa Hội quán hỏi mà lấy về dùng cho tiện.

---

### GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật giáo, Thái-Hà-ấp

Số 832 : Nha in Đuốc-tuệ chùa Quán-Sứ 73 Richard Hanoi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH